

Chánh Ngoa Tập

(Uốn nắn những điều sai ngoa)

(trích từ bộ Vân Thê Pháp Vụng)
Đời Minh, chùa Vân Thê ở Cổ Hàng,
Sa-môn Châu Hoằng soạn
Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa chuyên ngữ
Giáo chánh: Minh Tiến & Huệ Trang & Vạn Từ

1. Thiên Phật Y

Trong đời gần đây, trên y ca-sa thêu hình chư Phật, gọi là Thiên Phật Y (y ngàn đức Phật), đây là điều sai ngoa. Tượng Phật chỉ nên vâng đội trên đầu, gánh vác trên vai mà thôi. Treo, giắt trên ngực hay bụng đã phạm lỗi khinh nhờn, huông là thêu kín khắp thân, từ eo và đầu gối trở xuống đều là [hình tượng] Phật! Lỗi ấy chẳng thể nào kể xiết! Bậc Luân Vương phước trùm thiên hạ^[1], chắc chẳng phải là lời nói xuông. Do đã trở thành thói quen từ lâu nên [Tăng sĩ cứ khinh nhờn đắp Thiên Phật Y] chẳng tự hay biết. Xin bậc cao minh rủ lòng xét soi lời lẽ của kẻ quê mùa, hãy thận trọng đừng mặc y ấy. Nếu hỏi: “Như vậy thì quả thật không có Thiên Phật Y hay sao?” Thưa: “Có chứ! Chính là y hai mươi lăm điều hiện thời, đây chính là y được truyền bởi một ngàn đức Phật. Phật dạy tỳ-kheo: ‘*Y tăng-già-lê^[2] này của ta, quá khứ, vị lai chư Phật đều do mặc y này mà được giải thoát*’. Đây chính là bằng chứng vậy.

2. Ngũ Tổ^[3] chẳng phụng dưỡng mẹ

^[1] Đây là nói về chuyện trong kinh (chẳng hạn kinh Địa Tạng), quốc vương do phát tâm tu bồ tượng, tháp bị hư mà được quả báo Chuyên Luân Vương. Các kinh luận đều nói rộng rãi Luân Vương do tôn kính Tam Bảo, giữ Thập Thiện nên được phước báo thù thắng nhất trong nhân gian. Phước thù thắng ấy không phải do ngẫu nhiên mà có nên Tổ mới viết “*chẳng phải là lời nói xuông*”.

^[2] Tăng-già-lê (Samghāti), còn gọi là Đại Y, Trọng Y, Tạp Toái Y, Cao Thắng Y, tối thiểu là chín điều, nhiều nhất là hai mươi lăm điều (Điều là từng miếng vải cắt rời, khâu chằm lại). Phổ biến nhất là loại Tăng-già-lê hai mươi lăm điều, nên hễ nói tới Tăng-già-lê thì người ta chỉ nghĩ đến y hai mươi lăm điều. Tăng sĩ thường đắp y Tăng-già-lê đắp khi vào thành khát thực, hoặc vâng chiếu vào cung vua, hoặc khi làm những pháp sự quan trọng.

^[3] Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn (602-675), là tổ thứ năm của Thiền Tông Trung Hoa. Sư là người ở xứ Hoằng Mai, huyện Tầm Dương (nay là huyện Cửu Giang, tỉnh Giang Tây). Có thuyết nói Sư là người Kỳ Châu (nay là huyện Kỳ Xuân, tỉnh Hồ Bắc). Năm lên bảy tuổi, Sư theo xuất gia với Tứ Tổ Đạo Tín tại chùa Đông Sơn núi Hoằng Mai Song Phong

Cõi đời truyền tụng Ngũ Tổ cự tuyệt không phụng dưỡng mẹ, thậm chí chẳng chịu tốn cho mẹ đâu chỉ một chút nước, đây là ngoa truyền. Giới tuy có vạn hạnh, nhưng đều lấy Hiếu làm gốc. [Tăng sĩ] phạm giới cấm để nuôi cha mẹ, đức Phật còn xót thương chấp thuận, há có lẽ nào [Ngũ Tổ] chẳng cho mẹ ăn? Hơn nữa, chúng sanh đói khát đến chùa Tăng, ngay cả cầm thú cũng còn được cho ăn, cho uống, huống hồ là cha mẹ ư? Ngôi nhà phụng dưỡng mẹ của tổ Hoàng Mai còn được chép trong các sách vở. Thốt lời thô tháo ấy, há chẳng phải là báng bỏ thánh nhân ư?

3. Cha mẹ lạy ngược lại đưa con xuất gia

Cõi đời truyền tụng khi con xuất gia, cha mẹ lạy ngược lại đưa con ấy. Đây là điều ngoa truyền. Hạng ngu tăng không hiểu biết bèn để cho cha mẹ lạy, hoặc ngồi chính giữa để cha mẹ châu hầu bên cạnh, hoặc ngồi ở giữa để cho cha mẹ vái chào. [Làm như vậy], xa là trái nghịch ý chỉ của Phật, gần là trái nghịch luân thường, chuốc lấy sự chê bai, khinh ghét của người đời, tạo ra thói kiêu mạn cho con người. Đây chính là lỗi của Tăng, chứ không phải lỗi của Phật! Chẳng biết rằng: Cha mẹ lạy ngược lại là vì hễ con xuất gia thì là con của Phật, không còn là con của cha mẹ nữa. Cho nên nếu con lạy [cha mẹ] thì cha mẹ lạy đáp lại. Lạy trả lại chính là đáp lễ, hoàn lễ, chứ không phải là lạy trả một cách trái lẽ thường.

4. Phạm Vương hầu Phật

Thế tục đồn rằng người đứng hầu hai bên Phật là cha mẹ của Phật, do vậy bèn chê trách Phật. Đây là điều ngoa truyền. Phạm đức Phật thuyết pháp, chư thiên đều nhóm lại, Phạm Vương ở bên trái, Đế Thích ở bên phải. Quy củ nghe pháp thông thường là như vậy. Vì người đời tưởng lầm chữ Phạm (梵) [trong danh hiệu Phạm Vương] là Phạn (飯), bèn nghi [Phạm Vương chính] là quốc vương Tịnh Phạn (淨飯) rồi bảo đây là cha của đức

thuộc Kỳ Châu, nghiên cứu tột cùng ý chỉ Đốn và Tiệm, được truyền tâm ấn. Khi ngài Đạo Tín nhập diệt vào năm Vĩnh Huy thứ hai (651) đời Đường, Sư bèn kế thừa y bát, được cõi đời xưng tụng là Hoàng Mai Ngũ Tổ. Năm Hàm Thuần thứ hai (671), Tổ truyền y bát cho ngài Huệ Năng. Theo thiên phổ, từ Sơ Tổ cho đến Ngũ Tổ, kinh điển căn bản để truyền thừa Tâm Tông là kinh Lăng Già, từ Lục Tổ Huệ Năng trở đi mới dùng kinh Kim Cang làm kinh điển căn bản của Thiền Tông. Sau khi Ngũ Tổ mất, Đường Đại Tông truy tặng thụy hiệu Đại Mãn Thiên Sư. Hiện thời còn lưu truyền cuốn Tội Thượng Thừa Luận được coi là trước tác của Ngũ Tổ, nhưng nhiều học giả nghi ngờ đây là tác phẩm của người khác mạo danh Tổ.

Phật. Lại chẳng biết tướng trang nghiêm của Đấng Thích, bèn tưởng đấy là nữ, liền bảo đó là mẹ đức Phật. Tuy Phật là đáng cao quý nhất không ai hơn được trong ba cõi, nhưng Ngài quyết chẳng để cho cha mẹ làm người hầu. Kẻ tục chẳng biết, cần phải giảng giải cho họ hiểu.

5. Phật pháp vốn phát xuất từ Lão Trang

Tống Nho nói kinh Phật vốn phát xuất từ Lão Trang, người đời không biết, kinh ngạc cho rằng đấy là lời nói lạ lùng; ví như đã bị kẻ giặc cướp mất của báu trong nhà, lại ngược ngạo theo kẻ giặc mượn dùng. Đây là điều ngoa truyền. Sách của Lão Trang vẫn còn đủ cả, hãy thử mở ra đọc xem! Bọn họ chỉ nói về hư vô tự nhiên mà thôi. Bọn họ bảo hư vô tự nhiên là sâu xa nhất, [nhưng điều sâu xa ấy] vẫn chưa bằng được những chỗ hết sức nông cạn trong Phật pháp. Nói “Phật pháp xuất phát từ Lão Trang” thì có khác gì bảo “cha do con sanh ra” hay chẳng? Thanh Lương đại sư dùng hai tiêu chuẩn là tà nhân và vô nhân để phán định Lão Tử thuộc về ngoại đạo; hướng chi Trang Tử lại còn thua Lão Tử! Tống Nho thấy biết hơi hợt như thế, đáng nực cười thay! Hoặc có kẻ nói: Người giảng giải kinh Phật, phần nhiều trích dẫn [những câu nói từ] lục kinh và chư tử^{4[4]}, vì sao vậy? Ôi! Văn tự ở phương này, chỉ có Khổng và Lão là tốt bậc mà thôi, chẳng dẫn những câu của họ thì dẫn lời ai đây? Nhưng mượn lời họ, chứ không dùng ý họ, người có bản lãnh sâu xa sẽ tự hiểu rõ!

6. Hủy hoại, công kích tượng thần, và đắp, tạo tượng thần

Có tăng sĩ hủy hoại, công kích thiên thần, tự cho là “đề cao điều chánh, quở trách tà vạy”. Đây là sai! Đức Như Lai thuyết pháp ắt có tám bộ quý thần^{5[5]} [đến nghe]. Kinh Hoa Nghiêm kể tên những vị thần cai quản núi, nước, đất đai, cây cối, cai quản ngày, cai quản đêm, số đến vô lượng,

^{4[4]} Lục kinh: Sáu kinh chánh yếu của Nho giáo, tức Thi, Thư, Lễ, Dịch, Xuân Thu, Nhạc. Chư tử chỉ các triết gia thời Tiên Tần (thời kỳ trước khi Tần Thủy Hoàng gồm thâu lục quốc, thống nhất Trung Nguyên), tức Lão Tử, Khổng Tử, Trang Tử, Mặc Tử, Mạnh Tử, Tuân Tử, Quản Tử, Cáo Tử v.v...

^{5[5]} Bát bộ quý thần, còn gọi là Thiên Long Bát Bộ, Long Thần Bát Bộ, hoặc chỉ gọi gọn là Bát Bộ, là từ ngữ chỉ chung các vị thần hộ pháp, gồm tám loại lớn: Thiên (Deva), Long (Nāga: rồng), Dạ Xoa (Yaksa), Càn Thát Bà (Gandharva: Hương thần hoặc Nhạc Thần), A Tu La (Asura), Khẩn Na La (Kimnara: Ca Thần), Ca Lô La (Garuda: Kim Xí Điểu), và Ma Hầu La Già (Mahoraga: Đại Mãng Thần). “Bát bộ quý thần” còn được hiểu theo một nghĩa ít phổ biến hơn là tám bộ chúng quý thần thuộc quyền cai quản của Tứ Thiên Vương tức Càn Thát Bà, Tỳ Xá Xà, Cựu Bàn Trà, Bệ Lệ Đa, Long (rồng), Phú Đan Na, Dạ Xoa, La Sát.

chẳng lẽ họ đều sai trái cả ư? Hễ có người ắt có quý; có quan cỡi Dương ắt có lại^{6[6]} cỡi âm; có vua người ắt có vua trời, đấy chính là đúng lý vậy. Hễ không có quý thần thì trời cũng chẳng có. Hễ trời đã không có thì Phật cũng không có. Những kẻ hủy báng, công kích, đáng gọi là kẻ sa vào chỗ tự phụ. Nếu bảo: “Sao kinh dạy quy y Phật chẳng được quy y hết thầy thiên ma, quỷ thần?” Thưa rằng: “Dạy ông đừng quy y, chứ đâu bảo ông hủy hoại, công kích. Ví như phận làm con thì phải nương theo cha mẹ của chính mình, chẳng được nương theo cha mẹ của người khác, coi như cha mẹ của chính ông. Đâu có dạy ông hãy hủy báng, công kích người khác! Kinh chép: Do có tỳ-kheo thờ phụng thiên thần nên Phật răn cấm không được [làm như thế]. Tỳ-kheo bèn khinh mạn thiên thần, Phật răn rằng: “Khinh thường cũng không được!” Thánh nhân đã có những giáo huấn khuôn mẫu, là gương sáng cho muôn đời, sao người đời nay chẳng nhìn vào đấy?

Hoặc có kẻ hỏi: Có tặng sớ tu bồ miếu thờ thần, đắp thần tượng, tụng niệm trước tượng thần, hướng về tượng thần lễ bái, lại tự phụ là [người tu tập hạnh của ngài] Thường Bất Khinh lễ bái tứ chúng, đúng hay sai?

Đáp: Cũng sai luôn! So với kẻ hủy báng, công kích, phạm lỗi càng nặng hơn. Vì sao vậy? Kẻ hủy báng, công kích còn biết có tà - chánh, nhưng phân biệt quá đáng. Kẻ đắp, tạo thần tượng chẳng biết có tà và chánh. Kẻ phạm lỗi hủy báng, công kích gọi là cuồng; kẻ phạm lỗi đắp, tạo [tượng thần] gọi là ngu. Gọi là tà, chứ không khinh mạn. Chẳng thờ phụng thần là điều Phật dạy. Người đời nay sao chẳng suy xét?

7. Bước đi cuối cùng

Có kẻ cho rằng lúc lâm chung chính là “bước đi cuối cùng”, đấy là sai. “Bước đi cuối cùng” vốn là thuật ngữ dùng trong cờ vây^{7[7]}. Ý nói: Thông thường người ta tính toán đến mức ấy [tưởng là] đã là cạn sạch nước đi rồi, không còn gì nữa, chẳng ngờ vẫn còn có nước đi không ngờ đến. Giống như người tu hành tuy bản lãnh đã vừa cao lại vừa sâu, chẳng biết vẫn

^{6[6]} Lại (吏): tiếng chỉ chung các quan chức thừa hành công việc, ta thường gộp chung là Quan Lại.

^{7[7]} Nguyên văn “Dịch” (弈, còn gọi là Vi Kỳ (圍棋 do vậy ta thường gọi là cờ vây), là một hình thức cờ phổ biến nhất ở Trung Hoa. Hễ nói đến “cầm kỳ thi họa” thì chữ Kỳ chỉ cho Vi Kỳ. Theo truyền thuyết, do con vua Nghiêu là Đan Châu quá tối tăm, vua Nghiêu bèn sáng chế ra cờ vây để tập luyện cho con trí phán đoán. Cờ vây phức tạp hơn Cờ Tướng (Tượng Kỳ) rất nhiều, gồm 181 con cờ đen và 180 con cờ trắng. Con cờ làm hình tròn bằng mặt, khắc chữ nổi lên. Bàn cờ được chia thành 19 vạch ngang và 19 vạch dọc, con cờ luôn phải đặt ở những chỗ các vạch giao nhau. Có những vị trí quy định không được đặt con cờ. Quy tắc chơi cờ Vây rất phức tạp.

còn có chuyện tối hậu, huyền vi tột cùng, hiểu được mấu chốt ấy thì sau đây mới hoàn tất được chuyện tham học. Nếu chưa được như vậy thì vẫn là chỉ là mới có được một mắt. Lại còn nói “*bách xích can đầu nhất bộ*” (đầu sào trăm thước, tiến thêm một bước nữa) cũng nhằm diễn tả ý này. Nếu chẳng hiểu ý này, sẽ đến nỗi giống như ngoại đạo tưởng từ ngữ này dùng để chỉ lúc lâm chung. Tự lầm, lầm người! Kẻ sáng suốt đừng tin!

8. Linh Chiếu độ Đơn Hà

Cõi đời đôn đại thiên sư Đơn Hà Thiên Nhiên^{8[8]} do được con gái của Bàn cư sĩ là cô Linh Chiếu chỉ điểm, khích lệ, mới bắt đầu tu hành, ngộ đạo. Đây là ngoa truyền. Trước đó, ngài Đơn Hà đã ngộ đạo nơi ngài Thạch Đầu^{9[9]}, sau được Mã Tổ [Đạo Nhất] ban pháp hiệu. Lúc gặp gỡ cụ Bàn, Sư đã nghiệm nhiên là một vị đại thiện tri thức, há lẽ nào có chuyện ấy? Lời nói vô căn cứ vu báng thánh hiền, tội không chi lớn bằng, hãy kiêng tránh sâu xa!

9. Ngồi thọ giới, đứng dậy liền phá giới

^{8[8]} Ngài Đơn Hà Thiên Nhiên (739-824) là một thiền sư nổi tiếng đời Đường, đệ tử của ngài Thạch Đầu Hy Thiên. Sư vốn học Nho, sau gặp Thiên tăng, ngộ đạo, bèn xin xuất gia với Thạch Đầu. Ngài từng sang Giang Tây tham yết Mã Tổ Đạo Nhất, được đặt pháp hiệu là Thiên Nhiên. Sư cũng từng tham yết Quốc Nhất thiền sư ở Kinh Sơn. Về sau, Sư xiển dương Tông phong lớn lao tại núi Đơn Hà thuộc huyện Nam Dương. Khi mất, được triều đình sắc phong thụy hiệu Trí Thông Thiền Sư, mộ tháp được đặt tên là Diệu Giác. Sư rất nổi tiếng với công án “Đơn Hà thiêu mộc Phật”. Theo Ngũ Đẳng Hội Nguyên quyển 5 thì: “*Về sau, Sư ở tại chùa Huệ Lâm, ngẫu nhiên gặp tiết trời cực kỳ rét buốt, bèn đem tượng Phật bằng gỗ ra đốt. Viện chủ quở trách: ‘Sao lại thiêu vị Phật gỗ của tôi?’ Sư bèn dùng gậy khêu tro bảo: ‘Tôi thiêu tượng để tìm xá-lợi’ Viện chủ bảo: ‘Tượng gỗ làm sao có xá-lợi được?’ Sư nói: ‘Đã không có xá-lợi, thì thiêu luôn cả hai bức’.*”

^{9[9]} Thạch Đầu Hy Thiên (700-790) là một vị cao tăng Thiền Tông đời Đường, còn được gọi là Vô Tế đại sư. Ngài là người huyện Cao Yếu, Đao Châu (nay là huyện Cao Yếu tỉnh Quảng Đông), tính cực thông minh, mẫn tiệp. Do thấy dân làng thường giết trâu, nấu rượu để tế thần gây nên nhiều tệ đoan, Sư liền phá hủy đền thần, cướp trâu tế, bỏ đi. Ngài từng lễ các vị Lục Tổ Huệ Năng, Thanh Nguyên Hành Tư làm thầy, được ngài Thanh Nguyên Hành Tư ấn khả. Trong niên hiệu Thiên Bảo (742-755), Sư kết thảo am tọa thiền trên gộp đá phía Đông của Hành Sơn Nam Tự, xiển dương tông phong mạnh mẽ, do vậy cõi đời gọi là Thạch Đầu hòa thượng. Khi ấy, người đời luận rằng: Ở Giang Tây, Mã Tổ là bậc nhất, còn ở Hồ Nam, ngài Thạch Đầu bậc nhất. Sư còn để lại tác phẩm Tham Đồng Khế và Thảo Am Ca, cả hai đều được lưu truyền rộng rãi trong Thiền môn Trung Hoa.

Có kẻ bảo: Kinh khen ngợi Bồ Tát Giới: “*Lúc ngời thọ giới, đứng lên liền phá giới vẫn được công đức vô lượng*”; do vậy có kẻ sau khi thọ giới liền phóng túng không vâng giữ, đây là sai ngoa. Ý kinh nhằm cực lực diễn tả: “Hãy nên thọ giới Đại Thừa. Dầu thọ rồi liền phá ngay, tuy nay không có công lao gì, nhưng một phen vừa lọt qua tai liền vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo, sao lại chẳng thọ?” Há nên tưởng là “được phép phá giới” ư? Do hiểu lầm từ ngữ đến nỗi hiểu sai ý tới mức như thế, gây họa chẳng nhỏ!

10. Phật có hiệu là Tiên Nhân

Kinh dạy: Trong thuở xa xưa, Phật làm một vị tiên nhân nhần nhục. Hơn nữa, Phật xưng là Đại Giác Kim Tiên, người đời bèn cho rằng Phật chính là tiên, tiên và Phật không hai! Đây là sai! “Tiên” là danh từ để gọi chung những người tu hành thời cổ. Đời sau mới chuyên dùng danh xưng ấy để phân biệt người tu hành theo Phật giáo hay Đạo giáo. Hơn nữa, trong cõi đời có Nho, Thích, Đạo là tam giáo, nhưng chữ Đạo thật sự chỉ chung cho tam giáo nên người tu hành đều được gọi là “đạo nhân”, há chuyên chỉ kẻ đội mũ vàng (đạo sĩ) mới là đạo nhân ư? Nay đã có sự chuyên xưng thì Phật là Phật, tiên là tiên, địa vị cách biệt nhau như trời thăm với đất bằng vậy. Hãy cẩn thận, đừng coi là ngang nhau, kéo mất chánh tri kiến.

11. Không ai vào lầm địa ngục

Nho gia nói: Đức Phật dạy kẻ ác chết rồi sẽ vào địa ngục, nhưng trước khi Phật pháp truyền tới Trung Quốc, cố nhiên đã có kẻ chết rồi sống lại; sao trọn chẳng có một ai vào lầm địa ngục, thấy cái được gọi là mười vua^{10[10]} [Diêm La] vậy? Do đó, họ quyết đoán địa ngục chẳng đáng tin. Đây là sai lầm vậy! Phạm những chuyện xảy ra trước mắt, sau này mới biết. Trước khi Phật pháp được truyền tới, dầu có vào địa ngục rồi sống lại, vẫn hoảng hốt suy lường, ngờ vực, tưởng như một giấc mộng kỳ lạ. Khi Phật pháp đã truyền tới, đủ mọi thứ chỉ bảo về báo ứng trong sáu đường nên sau đây mới biết ấy chính là địa ngục. Lý cố nhiên phải là như vậy, có chi là lạ?

^{10[10]} Thập Vương tức Thập Điện Diêm Vương là tín ngưỡng theo Phật môn Trung Hoa (khởi đầu từ thời Ngũ Đại), cho rằng trong Âm Phủ có mười vị vua Diêm La cai quản phán xử tội nhân. Sau khi tội nhân chết đi, tuần thứ nhất bị định tội nơi Tàn Quảng Vương, tuần thứ hai tại Sơ Giang Vương, tuần thứ ba đến chỗ Tống Đế Vương, tuần thứ tư đến chỗ Ngũ Quan Vương, tuần thứ năm đến chỗ Diêm La Vương, tuần thứ sáu đến chỗ Biến Thành Vương, tuần thứ bảy đến chỗ Thái Sơn Vương, một trăm ngày đến chỗ Bình Đẳng Vương, tròn một năm đến chỗ Đô Thị Vương, tròn ba năm đến chỗ Ngũ Đạo Chuyển Luân Vương.

12. Kinh Phật phần nhiều do kẻ có tài biên soạn

Trong đời có kẻ ngu cho rằng kinh Phật đều do kẻ tài giỏi đời sau soạn ra, chứ không thật sự do đức Phật nói. Điều ấy là sai! Nếu bảo là kẻ có tài năng thì chẳng biết là hạng người như thế nào có thể nói ra những lời lẽ ấy, nói ra những đạo lý ấy. Nếu có khả năng như thế thì ta gọi người ấy chính là Phật. Hơn nữa, xưa nay người tài giỏi tốt bậc, có ai hơn được Không Mạnh hay chẳng? Nhưng [học thuyết của] Không Mạnh đều chẳng thể sánh những điều đã nói trong kinh Phật thì tôi biết ngay lời ấy rất tẻ, chẳng đáng để bàn luận nhiều!

13. Tánh mạng song tu

Bọn Đạo sĩ thường rêu rao họ tánh mạng song tu, chê kẻ học Phật tu tánh chứ không tu mạng. Đây là sai ngoa vậy. Ấy là vì bọn họ tưởng Thần là tánh, tưởng Khí là mạng. Làm sao cho Thần chế ngự được Khí, Thần ngưng, Khí kết bèn thành Đan, liền gọi là “tánh mạng song tu”. Do Phật chỉ nói đến Tánh, chẳng nói tới Khí, họ liền tưởng rằng “tu tánh sẽ thiếu mạng”, cho là nhà Phật lệch lạc, chẳng biết đã tự hiểu lầm mất chữ Tánh. Đức Phật nói đến Tánh cực rộng, cực lớn, rất sâu, rất huyền, đâu có thể coi là giống như Khí được? Khí ở trong Tánh giống như một lượn sóng trong biển xanh. Người thấy được Phật Tánh, tận cùng hư không, pháp giới không gì chẳng trọn đủ, huống chi Khí là thứ chỉ ở trong một thân lại chẳng thể nhiếp trọn hay sao? Do vậy, nói: *“Hễ đạt được cái gốc thì không lo cái ngọn nữa! Hễ tu một thứ thì tu hết thấy”*; chứ nào phải chỉ có hai sự song tu ấy mà thôi! Học đạo tiên hãy như chân nhân Trương Tử Dương luận về tánh mạng tốt bậc rành rẽ, hết sức tôn sùng Phật pháp. Ông ta nói trước hết đức Phật giảng về tánh rất hay, đáng gọi là bậc có kiến giải sáng suốt. Lại nữa, chân nhân Lý Thanh Am luận về nội dục và ngoại dục, coi Tinh - Khí - Thần là ngoại dục, gọi nguyên tinh, nguyên khí, nguyên thần là nội dục. Lại nói bậc cao thượng chẳng luyện ngoại dục, chỉ luyện nội dục, đây cũng là coi thuyết “luận về tánh trước hết” là thù thắng vậy! Người học đạo tiên trong cõi đời thì đông, nhưng hiểu biết như hai vị này đã vừa ít lại vừa hiếm; do vậy, tôi đề cao họ.

14. Tịch diệt là vui

Người đời thấy nhà Phật gọi lâm chung là Niết Bàn, do vậy bèn tưởng Phật coi chết là vui, bèn dẫn câu “*tử phản ngô chân*”^{11[11]} trong sách Nho để chứng minh ý chỉ “*tịch diệt là vui*” của nhà Phật. Hiểu như vậy là sai. Tiếng Phạn “Niết Bàn”, cội này dịch là Tịch Diệt. Tịch Diệt là sanh diệt đã hết, tịch diệt hiện tiền, đây là không sanh, không diệt, không đến, không đi, xưa, trước, nay, sau chẳng thể thay đổi, Thành kiếp, Hoại kiếp chẳng thể đổi dời, riêng mình chân thường hiển lộ, khổ lẫn vui cùng mất. Vì thế, gọi là Lạc. Lục Tổ nói: “*Vô thượng đại Niết Bàn, viên minh thường tịch chiếu*”. Đối với sự chiếu sáng đến tột bậc lại tưởng lâm là chết ư? Nếu nghĩ chết là vui thì hãy nên mau chết đi để xoay trở lại ngộ được cái chân thật của ta, chẳng thể sống thêm một bữa nào nữa! Diệt kiểu đó là đoạn diệt, khô diệt, tuyệt diệt, khô diệt (diệt hết như tro nguội) vậy! Sao lại nói bữa là sự tịch diệt của Phật cho được?

15. Nước Tào Khê, trà Triệu Châu

Trong nhà Thiền có câu “*nước Tào Khê, trà Triệu Châu*”. Kẻ ngu gán ghép câu ấy nói với chuyện nuốt nước miếng trong cổ họng gọi là “*hoa trì, thần thủy*” (ao hoa, nước thần) v.v... của những kẻ tu dưỡng^{12[12]}. Đây là sai! Vị Tăng hỏi: “*Như thế nào là một giọt nước Tào Khê?*” Cổ đức dạy: “*Là một giọt nước Tào Khê!*”

Ngài Triệu Châu hỏi ông Tăng: “*Ông đã từng đến chỗ này hay chưa? Đến hay chẳng đến đều bảo uống trà*”. Đây chính là lời bàn luận tột bậc khai thị tối thượng về Tâm tông (Thiền tông), há có thể hiểu là sự hít thở trong sắc thân hay sao? Thậm chí, họ tưởng huyết Giáp Tích^{13[13]} là Triệu Châu Kiền (câu Triệu Châu). Những thứ giống như vậy chẳng ít, người hiểu rõ lý đều nhất loạt quở trách.

16. Ba cỗ xe trong kinh Pháp Hoa

^{11[11]} Câu này vốn phát xuất từ thiên Dương Vương Tôn Truyện trong Hán Thư: “*Dương Vương Tôn cập bệnh thả chung, tiên lệnh kỳ tử: ‘Ngô dục lửa táng, dĩ phản ngô chân, tất vong dịch ngô ý. Tử tắc vi bố nang thịnh thi, nhập địa thất xích’*” (Dương Vương Tôn bị bệnh sắp chết, bèn bảo trước với con: ‘Ta muốn được chôn trần truồng để trở về cái chân thật của ta, đừng sửa đổi ý ta. Hễ chết rồi chỉ dùng bao vải bọc xác, chôn dưới đất bảy thước’).

^{12[12]} Chỉ những kẻ tu tiên cầu trường sanh bất tử. Có những phái trong Đạo gia không dám nuốt nước miếng hay ho khắc, sợ hao tổn nguyên khí.

^{13[13]} Giáp Tích: Theo từ điển Bách Độ, tính từ đốt thứ nhất của xương sống ở dưới ót đến đốt thứ năm nơi lưng, từ mỗi chỗ đốt xương sống gò lên, đo ra hai bên xuống phía dưới chừng 0,5 tấc Tàu là huyết Giáp Tích. Do vậy, có tất cả 34 huyết Giáp Tích như thế.

Kinh Pháp Hoa có thí dụ ba loại xe (tam xa): xe dê, xe nai và xe trâu. Những kẻ tu dưỡng bèn giảng [ba xe] là [ba huyết] Vĩ Lư, Giáp Tích, Nê Hoàn^{14[14]}. Đây là sai. Xa có nghĩa là “chuyên chở”. Dê, nai, trâu là ví dụ Đại Tiểu Thừa, mượn hình ảnh ấy để thí dụ công đức hơn kém giữa Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát. Kẻ tưởng lầm là sắc thân, hãy nên hiểu ra, thay đổi.

17. Kim Cang Toản

Thế tục khắc các kinh, có cuốn Kim Cang Kinh Toản, tự khen ngợi công đức, cho là tụng một biến Kim Cang Kinh Toản hơn tụng một vạn biến kinh khác. Đây là nói ngoa. Sở dĩ, kinh Kim Cang có công đức chẳng thể nghĩ bàn là vì kinh ấy giảng tột cùng về lý Không, chẳng còn một pháp nào; Bát Nhã oai thần, là hướng dẫn cho muôn loài vậy. Há nên bảo tính đếm có bao nhiêu chữ Phật, bao nhiêu chữ Tu Bồ Đề, bao nhiêu chữ “*hà dĩ có?*” (vì sao vậy) trong kinh văn rồi coi tính số chữ bao nhiêu như vậy là công đức ư? Thói tệ ấy đã phổ biến nên có tăng sĩ ngu muội hề được người khác bỏ thí bèn chẳng tụng trọn bộ kinh, chỉ dùng một cuốn Kim Cang Kinh Toản để tụng, chuốc lấy nổi khổ vô cùng trong địa ngục đều do bị sách ấy gây lầm lẫn vậy! Biên tập sách tà vậy gây hại như thế đó! Trong cõi đời lại có cuốn Đại Thừa Kim Cang Luận cũng là ngụy tạo, cho đến những kinh như Diệu Sa, Phân Châu, Huyết Bồn v.v... đủ thứ tà ngụy, quá phiền toái chẳng thể kể trọn!

18. Cao Vương Quán Thế Âm Kinh^{15[15]}

^{14[14]} Vĩ Lư là huyết nằm ở khoảng giữa xương cùng và hậu môn, được coi là huyết giao tiếp giữa hai mạch Nhâm và Đốc.

Nê Hoàn là một huyết được Đạo Giáo coi là tối trọng yếu, họ chia đầu người thành chín cung, từ giữa hai mày tính vào ba tác chính là Nê Hoàn Cung, hoặc Thiên Não, Hoàng Đình (thường đọc trại thành Huỳnh Đình), Côn Luân, Thiên Cốc v.v... tới hơn chín mươi danh xưng khác nhau. Họ tin rằng có các vị tôn thần sống trong chín cung ấy. Kinh Huỳnh Đình (Hoàng Đình) của Đạo gia cho rằng trong Nê Hoàn Cung có một vị chân thần tên là Thượng Nguyên Chân Quân (tức Thái Ất Đề Quân) cư ngụ. Đạo gia tận dụng mọi cách diễn giải xuyên tạc kinh Phật để chứng minh pháp luyện đan.

^{15[15]} Cao Vương Quán Thế Âm Kinh còn có tên là Cao Vương Bạch Y Quán Âm Kinh, thường gọi tắt là Cao Vương Kinh. Tương truyền, trong niên hiệu Thiên Bình (534-537) đời Đông Ngụy, ở Định Châu, Tôn Kính Đức quyên mộ tạo tượng Quán Âm, tự mình lễ kính, sau bị giặc bắt dẫn đi, đánh đập khổ sở, ép họ Tôn phải nhận tội. Đêm hôm trước ngày bị đưa ra pháp trường chặt đầu, họ Tôn mộng thấy một vị sa-môn dạy tụng Cửu Sanh Quán Thế Âm Kinh một ngàn biến sẽ được thoát nạn. Sáng hôm, bị quan coi ngục

Lại có Cao Vương Quán Thế Âm Kinh. Trong cõi đời truyền tụng: Cao Vương do tụng kinh này mà được thoát nạn, đây là ngoa truyền. Kinh ấy quê mùa, kém cỏi, chẳng thành văn nghĩa, chẳng biết dịch vào thời nào. Dùng lý để đoán định thì chính là nhờ vào phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa mà Cao Vương được thoát nạn; do vậy mới nói như thế. Người đời sau chẳng biết bèn riêng bịa đặt lời dối trá, đặt tên là Cao Vương Kinh do không hiểu ý nghĩa cái tên, nhưng cả cõi đời đều chẳng biết.

19. Quán Âm Hương Sơn Quyển

Trong quyển sách ấy nói đức Quán Âm là con gái vua Diệu Trang, xuất gia thành đạo, hiệu là Quán Âm. Đây là ngoa truyền. Quán Âm là vị cô Phật trong quá khứ, ứng hiện ba mươi hai thân, tùy loại độ sanh, hoặc hiện thân nữ, chứ chẳng phải là do mang thân nữ rồi mới tu thành đạo. Sách đã chẳng nói rõ Diệu Trang kia là quốc vương thuộc thời đại nào, lại chẳng nói thuộc quốc độ phương nào? Tuy sách ấy có tác dụng giúp khuyên dạy nữ nhân không nhỏ, nhưng vì tăng sĩ trong cõi đời có kẻ tin là kinh điển mâu nhiệm để tu hành cho nên phải nêu ra.

20. Tu sấn

Người đời chưa chết đã làm kinh sám đạo tràng cho các lễ Thất Thất, Tiểu Tường, Đại Tường^{16[16]} trước, gọi là “tu sấn”. Đây là sai. Nói “tu sấn”

trối lại dẫn ra chợ, Tôn Kính Đức vừa đi vừa tụng, đến khi bị lôi ra chém đã tụng đủ ngàn biến. Dao chém xuống liền mẻ, da thịt không bị thương tích gì. Ba lượt thay dao vẫn như vậy, thấy rành rành trên cổ còn ba vết đao. Quan giám trăm tâu lên. Thừa tướng Cao Hoan xin vua tha tội chết cho họ Tôn, sách truyền biên chép kinh này lưu truyền rộng rãi, do đó gọi là Cao Vương Quán Thế Âm Kinh. Có truyền thuyết lại nói có một vị quốc vương tên là Cao Hoan làm chúa quận Tương Châu. Do những truyền thuyết mâu thuẫn lẫn nhau, kinh văn lộn xộn, gán ghép, lại nói là được truyền trong mộng nên bị cổ đức coi là kinh ngụy tạo.

^{16[16]} Thất Thất: Lễ cầu siêu trong vòng bốn mươi chín ngày, cứ mỗi bảy ngày lại làm trai, thỉnh Tăng cầu siêu, ta thường gọi là Cúng Thất.

Tiểu Tường và Đại Tường là hai lễ trong tang sự theo cổ lễ. Theo thiên Gián Truyện sách Lễ Ký, sau khi người chết mất được một trăm ngày bèn làm lễ Tốt Khóc (thôi khóc) cúng bái vong linh, con cháu chỉ được ăn cơm đạm bạc, gạo xấu, uống nước lạnh, tuyệt đối không được uống rượu. Khi người chết được một năm thì làm giỗ đầu gọi là Tiểu Tường. Khi người chết đã mất ba năm thì làm lễ Xả Tang, gọi là Đại Tường. Trong lễ Đại Tường, con cháu sẽ làm cỗ cáo tế với tổ tiên, xin đem thần chủ (bài vị người chết) thờ

nghĩa là nhằm dạy người hãy thừa dịp vẫn còn sắc thân để sớm tu trì, đừng đợi tới lúc khát mới đào giếng, bị cơn đói bức bách mới đốt đồng làm rẫy. Hơn nữa, thỉnh người khác tụng niệm, làm sao hơn được chính ta tu tập? Nhưng đã chịu mở túi keo kiết để làm Phật sự thì vẫn tốt hơn kẻ chẳng làm. Nếu hiểu như vậy thì cũng được, nhưng bậc cao minh quyết chẳng nên hiểu như thế.

21. Gửi kho

Người đời đốt nhiều giấy tiền, vàng mã, gọi điệp xuống Âm Phủ, mong sẽ được hưởng dùng trong đời sau, gọi đó là “gửi kho”. Đây là sai. Nếu giấy tiền, vàng mã có thể đưa đến sự giàu có trong đời sau thì nhà giàu sẽ đời đời giàu có, kẻ nghèo sẽ chẳng có thuở nào giàu; thuyết thiện ác, báo ứng trở thành rỗng tuếch ư? Người ta gửi kho là vì con người quen thói tích trữ tài vật trong kho tàng, xây tường, dựng nhà kiên cố, chặt chẽ, tự cho là nước, lửa, đạo tặc chẳng thể phá hoại được, nhưng thường bị nước, lửa, đạo tặc phá hoại. Dầu thoát khỏi ba thứ ấy, chắc lại bị phá hoại bởi nạn vua, há còn kiên cố được chẳng? Nếu có thể bỏ tài sản ra để bố thí, làm các thiện sự thì phước đức vô tận, không ai phá hoại được. Nói “gửi kho” là gửi vào cái kho ấy đấy! Người đời sao chẳng tỉnh ngộ?

22. Tây Phương Thập Vạn Bát Thiên

[Lục Tổ] Đàn Kinh ví “thập ác, bát tà” là “thập vạn bát thiên” (mười vạn tám ngàn). Người ta bèn cho rằng Tây Phương Cực Lạc thế giới cách đây mười vạn tám ngàn [dặm]. Đây là sai. Mười vạn tám ngàn chính là cõi Tây Phương ở năm xứ Thiên Trúc. Cực Lạc cách đây mười vạn ức cõi Phật, lấy một đại thiên thế giới làm một cõi Phật. Mười vạn ức cõi Phật thì sức con người chẳng thể đến được, chẳng phải do sức của quỷ thần hay sức của trời mà có thể đến được! Chỉ có người niệm Phật nhất tâm bất loạn cảm ứng đạo giao là sẽ như trong khoảng khảy ngón tay liền đến được mà thôi! Há có phải giống như lộ trình từ Chấn Đán (Trung Hoa) đến Thiên Trúc trong Nam Thiệm Bộ Châu ư?

Nếu như vậy thì Lục Tổ không biết tới Tây Phương hay sao? Thưa: Đàn Kinh là do đại chúng ghi chép, chứ không phải do Lục Tổ viết. Ngay cả bốn chữ “Lục Tổ Đàn Kinh” cũng phần nhiều là do Nho sĩ người Hán thêm vào, há nên tin tưởng tuyệt đối ư? Nếu không phải như vậy thì là do Tổ nêu cái

chung trong miếu thờ của dòng họ (tức từ đường, hoặc tông miếu), dẹp bỏ linh sàng và bàn thờ riêng của người chết để thờ chung với bàn thờ tổ tiên tại tư gia.

gần để hình dung cái xa, xét về lý thì cũng không trở ngại gì. Như ở ngay giữa chợ bèn ví vùng phía Bắc ngoài thành là Yên Kinh (Bắc Kinh), ví phía Nam ngoài thành như Bạch Hạ^{17[17]}, tức là mượn năm xứ Thiên Trúc ở gần để ví cho Cực Lạc nơi xa, nhằm muốn cho người thời ấy dễ hiểu, đâu có trở ngại gì?

23. Thừa cấp, giới hoãn

Thuở xưa có bốn cách biện định về thừa và giới gấp gáp hay hoãn đãi, giải thích như sau: “*Thừa cấp giới hoãn, thắng giới cấp thừa hoãn*” (Thừa gấp, giới thông thả sẽ hơn giới gấp gáp mà thừa thông thả). Kẻ cuồng bèn cho rằng giới chẳng đáng giữ, đây là sai! Phạm muốn nêu bật sự thù thắng thì lời lẽ ắt phải ngả theo khuynh hướng đề cao [chuyện này], hạ thấp [chuyện kia] giống như tổ Vĩnh Minh đã nói “*không Thiên, có Tịnh Độ*” vậy, chứ không phải là Ngài bảo: Thiên đáng khinh! Hơn nữa, kẻ ấy hiểu như thế nào là Thừa? Thế nào là Giới? Có nên nghĩ thông đạt giáo lý là Thừa, nghiêm cẩn giữ luật nghi là Giới hay chẳng? Nếu hiểu như vậy tức là chưa hiểu được nghĩa của Thừa! Nói “*Thừa gấp gáp*” là niệm niệm hoàn toàn tu nơi chân trí Bát Nhã, chứ không phải là chẳng trì giới. [Nói như vậy] nhằm chuyên chú trọng nơi cội gốc, không nhắc tới cành nhánh. Hễ tâm địa thấu triệt, trong sát-na sẽ trọn đủ lục độ vạn hạnh. Kẻ chỉ chấp vào giới tướng, chẳng thấu hiểu tâm địa thì chỉ hưởng phước báo trời người mà thôi! Thừa gấp gáp vượt trội hơn giữ giới nghiêm ngặt là ở chỗ này. Nếu Thừa chưa tương ứng mà sanh tử đã xảy tới thì hoàn toàn cần phải có giới lực; muốn giữ giới thông thả, nguy lắm thay!

24. Danh tự La Hán

Kinh Pháp Hoa có câu: “*Phá giới tỳ-kheo, danh tự La Hán*” (Tỳ-kheo phá giới chỉ có cái tên là La Hán), kẻ ngu bèn tưởng tỳ-kheo phá giới vẫn gọi là La Hán, cho là muốn phá giới sẽ chẳng trở ngại gì! Đây là sai. Ý kinh có nghĩa là tỳ-kheo phá giới chẳng thành tỳ-kheo, chỉ mang cái danh xưng là La Hán mà thôi. “*Danh tự*” nghĩa là “chỉ có cái tên xưng”, không chân thật. Suy quán sát ý nghĩa cận kề sẽ tự hiểu được!

25. Trai Tăng có công đức vô lậu

^{17[17]} Bạch Hạ là một khu vực thuộc Nam Kinh.

Có Tăng sĩ khuyên dụ thí chủ, bảo làm phước các thứ đều có lúc bại hoại. vì đây là hữu lậu, chỉ có trai tăng là công đức vô lậu. Đây là nói ngoa. Tổ Đạt Ma bảo [Lương] Vũ Đế: Những chuyện như xây chùa, chép kinh v.v... là nhân của quả báo hữu lậu nhỏ nhoi trong trời người; trai tăng cũng nằm trong số ấy, sao lại bảo là chỉ có trai tăng là vô lậu ư? Ý kẻ đó cho rằng xây chùa, hễ chùa hư nát thì phước cũng hư nát, còn chép kinh thì khi kinh diệt, phước cũng diệt, chỉ có trai tăng là không như vậy. Ôi! Chẳng thể nói riêng trai tăng [là vô lậu]! Bởi lẽ, Tăng chết thì phước cũng mất hay sao? Luận tới rốt ráo tốt cùng thì hễ trụ vào tướng để làm phước đều gọi là hữu lậu! Nếu chẳng trụ nơi tướng ắt trở thành vô lậu, há lẽ đâu riêng mình trai tăng [là vô lậu]?

26. Vô lậu

Lại có kẻ cho rằng giữ trọn được Tinh - Khí, chẳng để rỉ mất sẽ thành quả La Hán Vô Lậu. Đây là ngoa truyền, làm tướng giữ mình trong trắng suốt đời mới gọi là Vô Lậu. Tinh, Khí nào đáng để coi là Vô Lậu để rồi giữ cho vẹn Tinh, vẹn Khí, vẹn Thần. Vô Lậu nghĩa là nói các Lậu (phiền não) đã hết, không còn phiền não tồn tại. Dạy kẻ ngu coi nuốt xuống, hít vào, vận động là đạo thì không chỉ làm hại chánh kiến mà còn tổn hại sắc thân nữa. Buồn thay!

27. Ngũ đại bộ kinh (năm bộ kinh lớn)

Người đời truyền rằng tụng năm bộ kinh lớn, tức là năm bộ kinh Hoa Nghiêm, Niết Bàn, Tâm Địa Quán^{18[18]}, Báo Ân và Kim Quang Minh. Đây là ngoa truyền, “ngũ đại bộ” chính là tên gọi chung của cả Đại Tạng, tức là Bát Nhã Bộ, Hoa Nghiêm Bộ, Bảo Tích Bộ, Đại Tập Bộ và Niết Bàn Bộ, năm bộ loại này bao trùm các kinh. Giống như Lục Tào là tên gọi chung, bao gồm các quan chức. Nếu nói [lời ngoa truyền trên đây có nghĩa là] “từ trong năm

^{18[18]} Tâm Địa Quán Kinh có tên gọi đầy đủ là Đại Thừa Bồn Sanh Tâm Địa Quán Kinh, còn gọi tắt là Bồn Sanh Tâm Địa Quán Kinh, do ngài Bát Nhã dịch vào đời Đường. Trong kinh ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật ở trong núi Kỳ Xà Quật vì các vị Bồ Tát như Văn Thù Sư Lợi, Di Lặc v.v... giảng thuyết: Người xuất gia, trụ trong A Lan Nhã, hãy nên quán tâm địa, diệt vọng tưởng, tu các hạnh như thế nào để thành Phật đạo. Kinh gồm tất cả 13 phẩm, được chia thành tám quyển. Theo lời tựa, kinh này được quốc vương nước Sư Tử dâng lên Đường Cao Tông trong niên hiệu Nguyên Hòa. Kinh được các vị tăng nhân như Bát Nhã gồm tám người hợp sức dịch, dịch xong lại được bốn vị quan như Giám Nghị Đại Phu Mạnh Lan v.v... nhuận văn. Còn kinh Báo Ân chính là kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân.

bộ đều chọn lấy một kinh trong mỗi bộ” thì lại chẳng lấy kinh nào thuộc về bộ Bát Nhã cả, làm sao gọi là “năm bộ” cho được!

28. Thanh trai

Có người cứ đến cuối tuần bèn không ăn, gọi đó là Thanh Trai. Đây là sai! Thanh Trai nghĩa là ăn chay, giữ giới thanh tịnh, chứ chẳng phải là không ăn thì mới thanh tịnh. Miễn cưỡng tuyệt thực, lòng luôn cảm thấy đói khát, chỉ tăng thêm nghiệp khổ! Hơn nữa, Thanh Trai còn có tên gọi khác là Trai Giới. Những vị giảng giải còn bảo “lặng trong thuần nhất thì gọi là Trai”, huống hồ là chữ Trai do đức Phật đã nói ư? Nếu chỉ có nghĩa là không ăn thì chữ Trai ấy cũng nhỏ nhoi lắm thay! Nếu vậy thì “*không ăn quá ngọ*” là như thế nào? Đáp: Đây là điều dạy đúng đắn. “*Nhất trai*” nghĩa là sao? Đáp: Ngày ăn một bữa, cũng là điều được dạy trong giáo pháp; rốt cuộc không ăn quá ngọ là điều chánh yếu.

29. Luyện ma (luyện tập, mài giũa)

Gần đây, pháp tắc thực hành trong các nơi luyện tập, mài giũa^{19[19]} đã phát sanh thói tệ; chuyên lẫn quẩn, dò dẫm, hò hét, chú trọng luyện tập để trừ khử con ma buồn ngủ. Ấy là sai! Luyện (練) là nung luyện cái thô tạp ngõ hầu biến chúng thành tinh thuần, Ma (磨) là khử tỳ vết để trở thành sáng ngời, khiết tịnh. Cổ nhân nói: “*Luyện ma chân tánh nhược hư không, tự nhiên chiến thoái ma quân trận*” (Luyện tập, rèn giũa sao cho chân tánh như hư không, tự nhiên sẽ đánh lùi được trận giặc ma quân), chính là nhằm diễn tả ý này, chứ không phải là rèn giũa để trừ khử được con ma buồn ngủ là đã xong việc! Những nơi rèn luyện chẳng thể không biết điều này!

30. Giảng Thiên

Gần đây, người ta giảng diễn những lời bình luận, đối đáp của các vị như Vạn Tùng^{20[20]}, cứ y theo sách Thiên mà giảng lại, bảo như thế là đã

^{19[19]} Nguyên văn “*luyện ma trường*”, vốn là chữ để gọi các đạo tràng tu tập Thiên Quán.

^{20[20]} Vạn Tùng Hành Tú (1166-1246) là một vị cao Tăng thuộc tông Tào Động, sống vào thời Nam Tống. Sư là người Hà Nội (nay là huyện Thẩm Dương, tỉnh Hà Nam), tự là Báo Ân. Xuất gia từ nhỏ với ngài Uẩn Doãn chùa Tịnh Độ ở Hình Châu (nay là Hình Đài, tỉnh Hà Bắc). Sau khi thọ Cụ Túc Giới, Sư đến chùa Khánh Thọ, tham yết ngài Thắng Mặc ngộ được đôi chút, rồi lại qua tham yết ngài Nham Mãn chùa Đại Minh ở Từ Châu, chưa đầy một tháng đã triệt ngộ, bèn lưu lại hầu hạ suốt hai năm, hết sức khiêm tốn. Sau đây, Sư quay về Hình Châu, dựng Vạn Tùng Hiên để ở, ngâm dưỡng chí tu tập, được cõi đời

nắm được tông chỉ. Đây là sai! Đối với những cơ duyên vấn đáp do cổ đức để lại, người đời sau do vậy bèn khởi nghi rồi tận lực tham cứu đến tột cùng để mong ngộ được. Nếu giảng diễn thì làm sao còn có nghi nữa? Dầu giảng mỗi một điều đều đúng, vẫn chẳng ăn nhập gì đến mình. Rốt cuộc chỉ thành hý luận. Do vậy, biết [giảng diễn công án Thiền] chính là lấp mắt lối ngộ của chúng sanh. Giảng diễn Thiền tạo thành sai lầm như vậy đây. Người có chí bèn chọn một công án rồi suốt đời chỉ dựa vào đấy để tham cứu, quyết chẳng thiếu sót.

31. Ở trong ba ngọn núi thánh địa sẽ không bị nạn tam tai

Có kẻ nói: Khi kiếp hoại, ba dãy núi Ngũ Đài, Nga Mi, Phổ Đà không bị hoại. Đến sống ở đó, sẽ tránh được tam tai. Đây là ngoa truyền. Hễ tam tai khởi lên, cả đại thiên đều bị hoại, làm sao ba rặng núi ấy thoát được? Nếu đến sống ở những nơi ấy sẽ thoát khỏi tai ương đó thì những kẻ mắt mù, chân teo không thể lên đường được, dầu có tu công đức thù thắng rốt cuộc vẫn đọa lạc, còn kẻ sống gần ba ngọn núi ấy dầu là ngu phu đều được giải thoát cả ư? Hãy nên biết rằng: Không tham sẽ chẳng bị thủy tai, không sân sẽ chẳng bị hỏa tai, không si sẽ không bị phong tai; đến ba rặng núi ấy hay không chẳng sao cả! Nguyên niệm niệm khai Văn Thù trí, hành Phổ Hiền hạnh, mở rộng lòng bi Quán Âm thì chính là luôn luôn triệu bá ba rặng núi ấy, thân cận các vị Đại Sĩ. Chẳng thấu hiểu ý chỉ này, cứ chuyên trọng viễn du, dầu có lên [núi do] bảy thứ kim loại báu [hợp thành], vượt [biển] nước thom^{21[21]}, có ích gì đâu!

32. Bốn quyển kinh Lăng Già của tổ Đạt Ma

gọi là Vạn Tùng Lão Nhân, hoặc Báo Ân Lão Nhân. Năm Minh Xương thứ tư (1193) đời Kim Chương Tông, Sư được vua ban ghế bọc gấm và đại tăng y, rồi xuống chiếu phong Sư làm Trụ Trì chùa Thê Ân ở Ngưỡng Sơn (tỉnh Sơn Tây), rồi lần lượt trụ trì các chùa nổi tiếng như Vạn Thọ ở Trung Đô, chùa Báo Ân ở Yên Kinh (Bắc Kinh). Được một thời gian ngắn, Sư xin về hưu để ẩn tu nơi Thung Dung Am. Nhận lời thỉnh của tể tướng Gia Luật Sở Tài, Sư viết lời tụng để bình luận một trăm đoạn công án của Hoảng Trí Chánh Giác, soạn bộ Thung Dung Lục, xiển dương, truyền thừa tông phong Tào Động. Sư lại viết Thịnh Ích Lục. Hai bộ sách này mãi cho tới hiện thời vẫn được Thiền môn Trung Hoa đánh giá cao, giảng diễn và nghiên cứu rất nhiều. Sư còn soạn các tác phẩm giá trị khác như Tô Đăng Lục, Thích Thị Tân Văn, Minh Đạo Tập, Tứ Hội Ngũ Lục v.v...

^{21[21]} Núi bảy báu chính là núi Tu Di, còn biển nước thom chính là các hương thủy hải bao quanh thế giới như đã được miêu tả trong phẩm 2 kinh Hoa Nghiêm. Ý nói: Dù có vượt đến tận ngoài rìa của đại thiên thế giới cũng không tránh được kiếp nạn.

Sơ Tổ chẳng lập văn tự, lại nói: “*Ngô hữu Lăng Già tứ quyển*” (Ta có bốn quyển kinh Lăng Già). Kẻ chỉ biết học theo nghĩa [của văn tự] bèn cho rằng tổ Đạt Ma cũng lập văn tự, muốn bác bỏ sự truyền thừa trực chỉ. Đây là sai! Kinh Lăng Già được dịch từ đời Tấn, chứ không phải đến thời Sơ Tổ mới xuất hiện. Chẳng được nói là “*ta có*”. Tôi ngờ chữ “*ngô*” (ta) là sai, chắc là chữ “*thử*” (này), bởi lẽ kinh ấy đoạn trừ hết thầy, có thể chúng được diệu tâm đốn ngộ. Đây cũng là lời nói nhất thời với ngụ ý nhờ vào kinh ấy để hiển lộ diệu tâm. Nếu cho rằng pháp Thiền của Sơ Tổ đã được diễn tả trọn hết trong câu nói ấy thì cái gọi là “*giáo ngoại biệt truyền*” sẽ đặt ở đâu đây?

33. Ba quyển cuối của kinh Pháp Hoa

Có tà nhân cho rằng ba quyển cuối của kinh Pháp Hoa chẳng được lưu truyền trong cõi đời, kẻ nào có được liền coi như của báu, cất giấu kín đáo. Đây là sai. Một kinh Pháp Hoa có ba bản dịch^{22[22]}, có bản gồm bảy quyển, có bản gồm tám quyển và có bản gồm mười quyển. Bản được lưu thông hiện thời là bản dịch bảy quyển của ngài Cưu Ma La Thập. Số quyển tuy có nhiều hay ít nhưng ý nghĩa kinh văn giống hết nhau. Giống như kinh Hoa Nghiêm bản dịch đời Tấn gồm sáu mươi quyển, bản dịch đời Đường gồm tám mươi quyển vậy. Lý ấy rõ ràng, có lẽ chẳng cần phải biện luận, nhưng tôi thấy

^{22[22]} Diệu Pháp Liên Hoa Kinh (Saddharma-pundarīka Sūtra), hiện còn giữ được ba bản dịch:

1. Bản dịch cổ nhất mang tựa đề Chánh Pháp Hoa Kinh gồm 10 quyển, 27 phẩm, được dịch vào năm Thái Khang thứ bảy (286) nhà Tây Tấn dưới sự chủ trì của ngài Trúc Pháp Hộ. Bản này do ngài Nhiếp Thừa Viễn truyền dịch từ Phạn sang Hán, các vị Trương Sĩ Minh, Trương Trọng Chánh làm Bút Thọ, Trúc Lực, Bạch Nguyên Tín làm người giáo duyệt, Trúc Pháp Hộ làm Tổng Toàn Tu.
2. Diệu Pháp Liên Hoa Kinh gồm 7 quyển, 28 phẩm, do ngài Cưu Ma La Thập dịch vào năm Hoàng Thi thứ tám (406) đời Diêu Tần.
3. Thiêm Phẩm Diệu Pháp Liên Hoa Kinh tám quyển do ngài Xà Na Quật Đa và Đạt Ma Cấp Đa dịch tại chùa Đại Hưng Thiện ở Trường An vào năm Nhân Thọ nguyên niên (601) nhà Tùy.

Trong ba bản dịch này, bản Chánh Pháp Hoa được coi là đầy đủ nhất, nhưng văn tự rườm rà, nhiều chỗ không lưu loát, tối nghĩa, bản Diệu Pháp Liên Hoa của ngài Cưu Ma La Thập hay nhất, gọn nhất, văn từ mỹ lệ, âm điệu du dương, tuy gọn nhất, nhưng vẫn chứa đựng đầy đủ những điểm trọng yếu của Phạn bản nên được lưu truyền rất rộng. Phần lớn các bản chú giải kinh Pháp Hoa đều dựa trên bản dịch của ngài La Thập. Ngay cả các bản dịch kinh Pháp Hoa sang ngôn ngữ Tây Phương nếu dựa theo Hán Tạng, đa phần lấy bản của ngài La Thập làm chuẩn. Do bản của ngài La Thập chỉ có bảy quyển, so với bản Chánh Pháp Hoa gồm mười quyển nên mới có tà thuyết “*ba quyển cuối của kinh Pháp Hoa bị ẩn kín không được lưu truyền*”.

người đời vẫn có kẻ tin [lời ngoa truyền về ba quyển cuối của kinh Pháp Hoa]. Đời mạt pháp tối tăm, ngu muội đến cùng cực như thế đấy!

34. Tam Giáo một nhà

Có kẻ thường nói Tam Giáo là một nhà, đến nỗi tràn lan không phân biệt, đấy là sai vậy. Tam Giáo thật sự là một nhà, nhưng trong một nhà, há chẳng có lớn, nhỏ, tôn ty, thân sơ hay chẳng? Đức Phật dạy về thời gian trước Không kiếp rất dài, Nho và Đạo nói rất gần. Đức Phật là vị trời trong các vị trời, là bậc thánh của các thánh, tôn quý nhất; Nho, Đạo còn thuộc địa vị phàm phu. Đức Phật đã tự chứng được cái hết thảy chúng sanh vốn sẵn có, nên thân thiết nhất, Nho và Đạo vẫn còn ở vòng ngoài. Do vậy, về lý thì không hai, nhưng mức độ sâu hay cạn đã rành rành. Tuy sâu hay cạn khác nhau, nhưng cùng quy về một lý. Do vậy nói là “tam giáo một nhà”, chứ chẳng phải là nói tràn lan không phân biệt vậy.

35. Cao Sa Di không thọ giới

Cõi đời tương truyền: Vị “Cao Sa Di không thọ giới” chính là thiền sư Cao Phong Diêu núi Thiên Mục. Đây là ngoa truyền. Sư sống trong am Thiên Trượng tại Thiên Mục, cho nên có hiệu là Cao Phong. Sư là người đời Nguyên. Còn vị Cao Sa Di kia có họ là Cao, do chẳng thọ giới Cụ Túc nên suốt đời xưng là Sa Di, sống cùng thời với ngài Dược Sơn [Duy Nghiễm], là người đời Đường. Ngài chính là người đã nói câu: “*Trường An tuy chôn rợn, nước ta vẫn yên lặng*”. Hai vị trước sau thời đại khác nhau, đâu ăn nhập gì đến nhau? Ngài Cao Phong đặc biệt coi trọng Tỳ Ni (giới luật), Tăng, tục xin thọ giới với Sư hơn ngàn người, sao lại ngoa truyền [Sư chẳng thọ giới Cụ Túc] quá đáng như thế?

36. Tam Bảo

Đạo gia gọi Tinh - Khí - Thần là Tam Bảo, người đời bèn đem Phật - Pháp - Tăng phối hợp vào, đấy là sai! Tự tánh mở mang giác ngộ là Phật, khuôn phép trong tự tánh là Pháp, tự tánh thanh tịnh hòa hợp là Tăng. Tinh - Khí - Thần của bọn họ làm sao có thể gán vào đây cho được? Dẫu có đem tiên thiên nguyên tinh, nguyên khí, nguyên thần để biện bác thì há cũng chẳng biết nguyên thần vẫn thuộc về Thức Âm hay chẳng? Phật pháp sâu xa, huyền diệu, chẳng dễ gì nhập nhằng được đâu!

37. Vị tăng Đạo Quang thành tiên

Đời truyền tụng vị tăng tên Đạo Quang thành tiên ở Thạch Hạnh Lâm, trở thành người nối pháp đời thứ ba của Tử Dương Chân Nhân^{23[23]}, họ bèn cho rằng do Phật pháp chẳng bằng đạo Tiên nên Đạo Quang bèn bỏ Phật, học Tiên. Đây là ngoa truyền. Dựa theo bản chú giải sách Ngô Chân Thiên thì Đạo Quang trước kia đã do nhân duyên tham cứu câu “*trước lúc gà vàng chưa gáy*” bèn có chỗ ngộ; nhưng tra trong các sách như Truyền Đăng Lục v.v... không thấy nói đến Đạo Quang! Tất nhiên ông ta là hạng tham Thiền lạc lối, không ngộ được gì, cho nên mới lầm lạc học theo ngoại đạo. Nếu ngộ thật sự, lẽ đâu lại không có định kiến đến mức như thế? Là tăng nhân hãy nên nhất tâm cầu Phật, đừng lạc vào ngã khác thì may mắn lắm thay!

38. Thiêu sớng

Có gã ma tưới dầu, chắt củi, đốt sớng thân thể, người khác trông thấy kinh ngạc, than thở, cho là bậc đắc đạo. Đây là sai. Phạm người mang tâm niệm chấp trước thì ma sự sẽ phát sanh. Một dạ hâm mộ, cho thiêu sớng là lạ lùng, thù thắng, hâm mộ không ngơi, ma sẽ nhập vào tâm kẻ ấy mà chẳng tự biết, ngồi ngay ngắn trong lửa tợ hồ không khổ sở gì, chẳng biết là do ma lực duy trì nên tạm thời được như thế. Đến khi đứt hơi, ma bỏ đi sẽ thâm, đau khổ chẳng thể nào ví dụ được. Trăm kiếp ngàn đời thường ở trong lửa, gào khóc chạy quàng, làm loài quỷ chết ngang trái, thật đáng đau thương.

Nếu có kẻ gạn: “Trong kinh [Pháp Hoa] nói ngài Dược Vương đốt thân là như thế nào?” Ôi! Nhặng xanh sao lại tính bắt chước chim cánh vàng (Kim Xí Điều: Garuda) cho được? Dược Vương Bồ Tát thiêu thân, quang minh chiếu trong nhiều kiếp trọn khắp mười phương. Kẻ tự thiêu kia ánh sáng chiếu được cỡ nào? Đệ tử của ngài Khuê Phong thiêu cánh tay để tỏ ý mừng pháp, ngài Thanh Lương còn răn cấm không được làm, huống là đốt thân ư? Ôn Lăng bảo: “*Do khổ nhân vẫn chước lấy khổ quả!*” Hãy nên tin tưởng!

39. Coi có thần thông là đắc đạo

^{23[23]} Tử Dương Chân Nhân là đạo hiệu của Trương Bá Đoan, tự Bình Thực, sau đổi tên thành Dụng Thành, vốn là một đạo sĩ ở núi Thiên Thai, còn được xưng là Ngô Chân tiên sinh. Ông ta học tràn lan kinh sách của Tam Giáo, đặc biệt ưa thích các môn hình pháp, tính toán, bói toán, bài binh bố trận, thiên văn, địa lý. Do không đỗ đạt bèn càng ưa thích tu tiên. Tương truyền trong niên hiệu Trị Bình, được Lục Sơn truyền cho cách tu Đạo Dẫn bèn tu tập, sau lại học được phép Kim Đan, luyện tập đắc đạo, bèn soạn sách Ngô Chân Thiên, trở thành một bậc tông sư trong Đạo gia.

Người đời nay ham lạ, thấy có kẻ tỏ lộ những sự lạ kỳ để mê hoặc đại chúng liền bảo kẻ ấy đắc đạo. Đây là sai. Đắc đạo và có thần thông [là hai chuyện] khác nhau. Mắt thấy thấu suốt, tai nghe thông suốt là Thần Thông; còn vào Sắc Giới mắt chẳng bị Sắc mê hoặc, vào Thanh Giới tai chẳng bị âm thanh mê hoặc, là đắc đạo. Nếu chỉ xét đến thần thông thì thần cũng có thần thông, quỷ cũng có thần thông, yêu ma cũng có thần thông, chẳng dính dáng gì đến đạo hết! Ngỡ có thần thông là đắc đạo ắt sẽ đọa trong cảnh lưới rập của ma, sanh vào dòng giống ngoại đạo, há nên không cẩn thận!

40. Chim làm tổ trên đỉnh đầu, cỏ mọc xuyên gối

Cõi đời tương truyền khi đức Phật tu khổ hạnh, chim sẽ làm tổ trên đỉnh đầu, cỏ lau mọc xuyên gối, những nhà tu dưỡng bèn cho đây là thuật vận khí. Hiểu như vậy là sai! Thâm nhập Thiền Định nên chim sẽ làm tổ trên đầu cũng chẳng biết, cỏ lau mọc xuyên qua [gối] cũng chẳng hay, sự thật chỉ như vậy mà thôi! Chứ không phải là thuật vận khí thông trên thấu dưới, thậm chí “chín tầng trống rỗng”^{24[24]} bị hiểu lầm là hai cái ả thuộc vị trí huyệt Giáp Tích. “Đạo chơi bốn cửa thành” bèn bị giảng bậy là mắt, tai, mũi, lưỡi, đều là tà thuyết, chẳng thể không quả trách!

41. Nê Hoàn

Chữ Nê Hoàn phát xuất từ kinh Phật, có kẻ lẫn lộn Nê Hoàn chính là cung Nê Hoàn trên đỉnh thóp. Đây là hiểu sai. Nê Hoàn (Nirvāna) trong tiếng Phạn được cõi này dịch là Vô Vi, tức là đại đạo Vô Thượng Niết Bàn. Còn Nê Hoàn Cung của bọn họ chính là đỉnh đầu nơi sắc thân. Dẫu có thể vận khí xung phá được Nê Hoàn Cung thì chẳng qua chỉ là thuật luyện cho thân thể nhẹ nhàng sống lâu mà thôi, sao có thể nói là giống với đạo Vô Vi Niết Bàn cho được?

42. Phép Chỉ Quán của ngài Thiên Thai

^{24[24]} Khi còn làm Thái Tử Tất Đạt Đa, trong cuộc thi võ nghệ giữa các anh em trong hoàng tộc, đức Phật đã giương cung bắn thủng chín tầng trống sắt chồng lên nhau. “Đạo chơi bốn cửa thành” là khi Thái Tử Tất Đạt Đa ra ngoài chơi, lần lượt từ nơi bốn cửa thành trông thấy cảnh tượng sanh, già, bệnh, chết liền sanh lòng chán lìa cõi đời vô thường, khởi tâm xuất gia.

Trong sách Chỉ Quán Thiên Yếu của Thiên Thai đại sư có sáu chữ “khí”, người ta bèn ngỡ rằng đây chính là thuật Đạo Dẫn^{25[25]}, rồi muốn gom Phật pháp vào Đạo giáo, đây là sai! Sáu chữ Khí ấy nhằm để giảng giải về một phương cách trị bệnh, chứ không phải là ý tưởng chánh yếu trong phép Chỉ Quán. [Chỉ là] dứt loạn, [Quán là] quán [thấu suốt sự] hôn trầm, Định - Huệ hiển lộ trọn vẹn, vào thẳng cảnh Phật, đây chính là bản ý của đại sư. Ngài lại sợ có những kẻ chẳng khéo dụng tâm, chắc sẽ đổ bệnh, bèn dạy cách đối trị. Đây cũng là phép Chỉ Quán rộng lớn, không gì chẳng bao gồm, chứ không giống như bọn Đạo sĩ chuyên coi hít thở, vận động là Đạo. Kẻ đọc kinh văn hãy nên lãnh hội ý này.

43. Lâm chung biết trước lúc mất

Kẻ tà bịa ra cuốn Quy Không Ký, nhằm dự đoán kỳ hạn mất, bảo là do tổ Đạt Ma biên soạn. Đây là ngoa truyền. Kẻ ấy cho rằng để ước định kỳ hạn chết, hễ búng vào sọ mà không nghe có tiếng vang thì gọi là “trống đầu lâu bật tiếng”, mấy hôm sau sẽ chết, hoặc giơ thẳng cánh tay lên để thử xem mắt [ngước lên có nhìn thấy được chót bàn tay nữa hay không], gọi là “đèn vàng không sáng” mấy hôm sau sẽ chết. Đủ mọi thứ như thế, đều là xem xét nơi sắc thân, huyết khí tinh thần suy bại, sắp tan lìa. Đây là kiến thức của một thầy thuốc nhưng lại giả danh thánh, giả danh Tổ hồng thần bí hóa thuyết ấy, nhằm dối gạt, mê hoặc kẻ ngu tục. Cái tội vu báng, dối gạt ngạt trời! Phạm cổ nhân biết trước lúc mất là vì chấp trước đã hết, tình niệm rỗng rang, sẽ tự biết; hoặc do cảnh Tịnh Độ hiện ra liền tự biết chỗ sẽ sanh về, cũng chẳng coi đó là chuyện kỳ lạ. Bậc cổ đức vì muốn phá chấp nên mới có câu: “*Tử thời hà khổ dực tiên tri*” (Lúc chết có khổ gì mà muốn biết trước). Lời nói ấy đầy ý vị thay!

44. Vu Lan Bồn

Người đời cho rằng thí thực cho quỷ thần trong ngày Rằm tháng Bảy chính là hội đại trai Vu Lan Bồn. Đây là sai. Vu Lan Bồn có duyên khởi từ ngài Mục Liên, nghĩa là ngày Rằm tháng Bảy là ngày chúng Tăng giải hạ, tự

^{25[25]} Đạo Dẫn là một phương cách luyện tập thân thể đã có từ thời cổ, được giới Đạo sĩ cải biến và đưa thêm vào nhiều cách diễn giải huyền hoặc. Đạo Dẫn (導引, đôi khi còn viết thành 道引) có nghĩa là hướng dẫn Khí cho được điều hoà, khiến cho thân thể được mềm mại, mạnh khỏe, bao gồm các động tác hít thở, tưởng tượng khí luân lưu theo những kinh mạch (gọi là “thổ nạp”, hoặc “vận khí theo Tiểu Châu Thiên, Đại Châu Thiên” v.v...), các động tác vận động phối hợp với cách hít thở (ngoại công), ém hơi thở (phục khí), nuốt nước miếng, dùng lưỡi gõ vào răng, xoa bóp (án ma) v.v...

tứ^{26[26]} sau chín mươi ngày tham học, người đắc đạo đông đảo. Sắp đặt cúng dường trong hôm ấy phước gấp trăm lần, chứ không phải là thí thực cho quỷ thần. Thí thực có duyên khởi từ ngài A Nan, chẳng chỉ giới hạn trong ngày Rằm tháng Bảy. Vật dùng để đựng đồ thí là cái hộc [của người] nước Ma Kiệt (Magadha) [thường dùng], chứ cũng chẳng phải là Lan Bồn. Ấy là vì [trong ngày Vu Lan], trên cúng dường thánh hiền, dưới cứu giúp ngạ quỷ, Bi điền và Kính điền^{27[27]} khác nhau, chớ nên lẫn lộn.

45. Vô Vi Quyển

Có gã họ La^{28[28]} soạn ra năm bộ sáu quyển, đặt tên là Vô Vi Quyển, kẻ ngu phần nhiều tin theo. Đây là sai trái. Vô Vi như hấn nói chẳng qua là phé sạch vạn hạnh, chẳng biết vạn hạnh chính là Không, suốt ngày làm nhưng chưa từng [thấy chính ta] làm gì thì mới chính là vô vi thật sự. Gã đó miệng bàn về lẽ thanh hư, nhưng tâm mong lợi dưỡng, mang tiếng là vô vi, nhưng thật sự là hữu vi. Người ta thấy hấn dẫn kinh Phật xen vào đó, bèn cho rằng đây cũng là chánh đạo, chẳng biết hấn giả chánh để giúp tà, dối gạt kẻ đui điếc. Chúng ta là con nhà Phật hãy nên tận lực trừ bỏ sách ấy đi.

46. Bát Nhã Tâm Kinh

Có người nói kinh Phật chỉ có bài Tâm Kinh do ngài Huyền Trang dịch là được đem từ Tây Thiên tới, những thứ khác đều do người đời sau soạn ra. Đây là ngoa truyền. Người dịch kinh này đầu tiên là ngài La Thập^{29[29]}, còn ngài Huyền Trang cầm kinh ấy [theo trên đường đi] sang

^{26[26]} Tụ Tứ (Pravāranā), dịch âm là Bát Lợi Bà Lạt Noa, hoặc Bát Hòa La, còn được dịch ý là Mãn Túc, Hỷ Duyệt, Tùy Ý Sự. Những từ ngữ này đều nhằm diễn tả ý hoan hỷ nghe người khác nêu lên những sai lầm do chính ta đã phạm trong thời gian an cư. Trong ngày hoàn tất an cư mùa Hạ, đại chúng nêu lên những lỗi lầm của người khác do chính mình đã thấy nghe trong suốt ba tháng an cư với mục đích nhắc nhở nhau chú trọng sửa đổi, thúc liễm thân tâm, giữ vững giới hạnh. Người được phê bình hoan hỷ tiếp nhận lời cử tội, phát tâm tri ân sâu xa người đã giúp mình nhận thức những lỗi lầm chính mình đã phạm mà chính mình không hay, không biết.

^{27[27]} Thí thực cho ngạ quỷ phát xuất từ lòng Bi nên gọi là Bi Điền, dâng cúng cho hiền thánh nhằm tỏ lòng kính trọng nên gọi là Kính Điền.

^{28[28]} Tức La Thanh, sáng tổ của tà phái La Giáo, vốn là một chi nhánh của tà đạo Bạch Liên Giáo.

^{29[29]} Trong Đại Tạng Kinh, Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh (Prajñāpāramitā-hṛdaya-sūtra) ngoài bản dịch của ngài Huyền Trang ra, còn có sáu bản dịch khác như sau:

1. Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đại Minh Chú Kinh (do ngài Cưu Ma La Thập dịch).
2. Bát Nhã Ba La Mật Na Đề Kinh (do ngài Bồ Đề Lưu Chi dịch).

phương Tây, đâu phải do Ngài đem [kinh ấy] về [rồi Trung Hoa mới có]. Trong Tây Vực Ký^{30[30]} từng chép trên đường đi, ngài Huyền Trang nhiều lần gặp yêu ma, trì thánh hiệu Quán Âm, chúng chẳng chịu lui, bèn tụng Tâm Kinh thì chúng liền lui mất. Như vậy là trước khi ngài Huyền Trang đem về, kinh này đã có ở Trung Quốc, ngài Huyền Trang chỉ dịch lại thành bản mới mà thôi, sao lại ăn nói ngược ngạo đến thế?

47. Lương Vũ Đế

Sử chép Vũ Đế chuộng Phật giáo, chết đói ở Đài Thành mà Phật chẳng cứu, do vậy bèn công kích Phật. Đây là ngoa truyền. Vũ Đế ưa thích đạo đến nỗi quên ăn, thường giữ trai giới mỗi ngày ăn một bữa. Nếu gặp phải lúc chánh sự bận bịu [không kịp ăn] bèn súc miệng cho xong. Lúc lâm chung vua không ăn chính là điều hằng ngày thường vâng giữ. Hơn nữa, vua cai trị năm mươi năm, sống trên đời tám mươi năm, công vẹn, ý thỏa, ngôi yên đợi đến lúc mạng chung, coi chết như trở về, đâu phải là chết đói. Khi Hầu Cảnh^{31[31]} gặp vua bèn toát mồ hôi, cứng họng, là vì khiếp phục khôn

-
3. Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh (do hai vị Bát Nhã và Lợi Ngôn cùng dịch).
 4. Phổ Biến Trí Tạng Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh (do ngài Pháp Nguyệt dịch).
 5. Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh (do ngài Trí Huệ Luân dịch).
 6. Thánh Phật Mẫu Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh (do ngài Thi Hộ dịch).

^{30[30]} Tác phẩm này có tên gọi đầy đủ là Đại Đường Tây Vực Ký, do ngài Huyền Trang ghi chép về ngôn ngữ, địa hình, sản vật, phong cảnh, địa danh, tập quán, dân tình v.v... của hơn một trăm mười nước tại Tây Trúc mà Ngài đã đi qua trong suốt mười sáu năm tham học. Theo truyền thuyết, do vua Đường Thái Tông thường ngự giá đến hỏi chuyện này chuyện nọ về Tây Vực thay vì thật sự vãn pháp khiến Sư phải mất công thù tiếp rất nhiều, không đủ thời gian để dịch kinh nên Sư bèn biên soạn bộ sách này dâng lên để vua bớt hỏi han chuyện thế gian.

^{31[31]} Hầu Cảnh (?-552), tự là Vạn Cảnh, người huyện Sóc Phương (có thuyết nói hẳn là người xứ Nhạn Môn) vốn thuộc rợ Yết, là đầu mục của quân khởi nghĩa Cát Vinh trong lãnh thổ Đông Ngụy dưới trướng Cát Vinh, tánh tình quỷ quyệt, tàn nhẫn. Khi gã quân phiệt Nhĩ Châu Vinh nắm binh quyền Đông Ngụy, Hầu Cảnh bèn đem lâu la quy phục, được phong làm Tiên Phong. Khi Nhĩ Châu Vinh và Cát Vinh giao tranh, Hầu Cảnh lập công bắt sống được Cát Vinh. Do vậy được phong làm Thứ Sử Định Châu. Khi ấy, Thừa Tướng Cao Hoan lập mưu giết được Nhĩ Châu Vinh, Hầu Cảnh bèn về hàng Cao Hoan, được Cao Hoan trọng dụng, phong làm Tư Đồ, kiêm Thứ Sử Định Châu nắm đến mười vạn binh, thống trị cả một giải Hà Nam. Khi Cao Hoan mất, Hầu Cảnh lập tức làm loạn, liên kết với kẻ thù của Đông Ngụy là Vũ Văn Thái. Nhưng Vũ Văn Thái không tin tưởng Cao Hoan. Không chống cự nổi với quân của Cao Trừng (con Cao Hoan), Hầu Cảnh bèn dẫn quân chạy sang đầu hàng Lương Vũ Đế vào năm Thái Thanh nguyên niên (547). Khi Cao Trừng nhà Đông Ngụy sai Mộ Dung Thiệu Tông vây đánh Hầu Cảnh, nhà Lương sai Tiêu Uyển Minh đem quân bảo vệ Hầu Cảnh, nhưng đại bại, Uyển Minh bị Thiệu Tông bắt sống. Lương triều chỉ mong hòa giải để cứu Uyển Minh về. Hầu Cảnh bèn thừa dịp

cùng trước oai thần của vua thì làm sao Vũ Đế có thể chết [đói] như thế được? Người đời sau có kẻ biện bác rằng “vua chết đói là do túc nghiệp”. Lời bàn luận ấy tuy đúng, nhưng chẳng biết rằng hai chữ “chết đói” là do kẻ ghét Phật bịa ra, muốn nhờ vào đó để ngăn trở nẻo tiến lên của người khác. Nay ở đây tôi nói rõ vua không chết đói, đủ để phá sự sai lầm trong ngàn năm.

48. Hoàng Long và Động Tân^{32[32]}

Bọn đạo sĩ nói Lã Động Tân dùng phi kiếm để hàng phục thiên sư Hoàng Long^{33[33]}. Đây là ngoa truyền. Sư một bữa lên tòa, Động Tân trà trộn

Vũ Đế thiếu phòng bị, tấn công kinh đô Kiến Khang (Nam Kinh), bắt giam Lương Vũ Đế tại Đài Thành, tự xưng là Đại Đô Đốc, thao túng triều đình, làm nhiều chuyện bạc ác. Cuối cùng Hậu Cảnh bị Trần Bá Tiên và Vương Tăng Biện đánh bại, bị bộ hạ giết chết trên đường đào vong.

^{32[32]} Lã Động Tân (còn đọc là Lữ Động Tân) tên thật là Lã Nham, là một vị đạo sĩ nổi tiếng sống vào cuối đời Đường, đầu thời Ngũ Đại, được xếp vào Bát Tiên, hiệu là Thuần Dương Tử, tên tự là Động Tân. Tương truyền, ông Lã sanh vào cuối đời Đường, từng đi thi nhiều lần, nhưng không đậu. Trong quán trọ, ông Lã gặp được ẩn sĩ Chung Ly Quyền điểm hóa bằng cách cho một cái gối, bảo kê đầu năm ngủ. Lã Nham nằm ngủ, mơ thấy mình đậu Trạng Nguyên, làm quan đến tột phẩm, nắm quyền Tế Tướng, rồi về sau bị gian thần gièm pha, bị lôi ra pháp trường chém đầu. Lã Nham sợ quá tỉnh dậy thì ra chủ quán đang nấu nồi cháo kê vàng vẫn chưa chín. Bao nhiêu chuyện xảy ra trong năm mươi năm, chỉ là một giấc mộng trong mấy phút (do truyền thuyết này nên có điển tích văn học “hoàng lương mộng”). Ông Lã tỉnh ngộ, theo Chung Ly Quyền tu tiên. Lã Động Tân đề xướng nhiều biện pháp tu Nội Đan quan trọng nên rất được Đạo gia đề cao. Đến đời Nguyên, năm 1269, Nguyên Thế Tổ sắc phong cho Lã Động Tân đạo hiệu Thuần Dương Diễn Chánh Cảnh Hóa Chân Quân, rồi Thuần Dương Diễn Chánh Phù Hựu Đế Quân. Do Vương Triết (tức Vương Trùng Dương), sáng tổ Toàn Chân Giáo, tự xưng ông ta đã được chính Lã Động Tân đích thân truyền đạo, nên tất cả môn nhân Toàn Chân Giáo đều xưng tụng họ Lã là Tổ Sư khai đạo. Vì vậy, Lã Động Tân thường được gọi bằng danh xưng Lã Tổ hay Thuần Dương Tổ Sư.

^{33[33]} Hoàng Long Huệ Nam (1002-1069) vốn là một vị cao tăng thuộc tông Lâm Tế sống vào đời Tống, là khai tổ của phái Hoàng Long tông Lâm Tế. Sư là người huyện Ngọc Sơn, Tín Châu (nay là Thượng Nhiêu tỉnh Giang Tây), thuở nhỏ học Nho, lâu thông kinh sử. Năm mười một tuổi, Sư xin xuống tóc với ngài Trí Loạn chùa Định Thủy, mười chín tuổi thọ Cụ Túc Giới, tham học các vị Thê Hiền Trưng Thị, Vân Phong Văn Duyệt, Thạch Sương Sở Viên v.v... đều được các vị ấy rất coi trọng. Về sau, Sư mở giảng tòa tại Đồng An Viện, tứ chúng nhóm về. Không lâu sau, Sư dời sang chùa Quy Tông. Do chùa bị hỏa hoạn, điện đường cháy sạch, kẻ ghen ghét liền thừa dịp gièm xiêm, vu oan, khiến Sư bị hạ ngục. Dầu bị trăm điều xi vạ, bôi nhọ, Sư vẫn an nhiên như thường. Về sau, Sư được phóng thích, bèn ẩn cư tại Hoàng Bá, dựng Tích Thủy Am trên ngọn suối, bốn phương lại lũ lượt kéo về. Sư nhận lời cầu thỉnh về trụ tại Sùng Ân Viện núi Hoàng Long, chấn hưng tông phong mạnh mẽ, lừng danh khắp Hồ Nam, Hồ Bắc, Giang Tây,

trong thính chúng. Do thiên nhân, Sư thấy rõ, bèn bảo: “*Trong hội có kẻ trộm pháp*”. Động Tân bèn bước ra tự xưng là vân thủy đạo nhân (đạo sĩ vân du), Sư hỏi: “*Khi mây tan nước cạn thì sẽ ra sao?*” Động Tân không đáp được. Sư bèn trả lời thay: “*Hoàng long xuất hiện*”. Động Tân tức giận, đem đến phóng phi kiếm toan uy hiếp Sư. Sư chỉ tay, kiếm cầm phập xuống đất không nhúc nhích được. Sáng ra, Động Tân rút kiếm không được, vẫn đáp mấy câu, chợt có chỗ tỉnh ngộ, bèn nói pháp của Hoàng Long. Truyện này được chép trong Truyền Đăng Lục khác với lời lưu truyền trong cõi tục. Người hiểu biết hãy xét suy.

49. Phật nhập Niết Bàn

Đức Phật thị hiện nhập diệt, gọi là Niết Bàn. Con người bèn cho rằng thần tiên trường sanh, chứ Phật cũng phải chết. Đây là sai ngoa. Tiên thọ đến cùng cực chỉ bằng trời. Trời cũng có lúc tự hoại thì tiên làm sao còn được? Lời của họ Bạch nói rất hay: “*Nói dài là đối với ngắn, như đem từng, bách sánh với bông dâm bụi. Đặc biệt nói hậu diệt, chứ không nói bất diệt. Nay nói Niết Bàn là đại đạo bất sanh bất diệt. Sanh lẫn tử đều là Không, chứ chẳng phải chỉ bất tử mà thôi!*” Nhưng người nói [lời ngoa truyền trên đây] cứ tưởng rằng thần tiên bất tử. Nhà Phật nói vô sanh; họ chẳng biết là nếu đã không có sanh thì sẽ do đâu mà có tử đây? Chỉ là hóa duyên đã xong, bèn thị hiện giống như cõi phàm nhập diệt, nhằm cảnh tỉnh giác ngộ chúng sanh khiến cho họ biết vạn vật vô thường, đừng sanh tham chấp. Nhưng [tục nhân] lại dựa vào đó để cho rằng Phật thật sự chết, cũng chẳng sai lầm lắm ư? Sông sanh tử, bờ Niết Bàn, chỉ là nói một cách đối đãi, xin hãy suy nghĩ thử xem!

50. Năng Nhân Tổ

Trong cõi đời có tà sư, truyền dạy tà pháp rộng rãi. Hỏi học pháp ấy từ đâu, bèn nói: “Tổ của ta là Năng Nhân, Thích Ca, Lão Đam, Trọng Ni^{34[34]} đều là đệ tử”. Đây là nói ngoa. Thánh nhân Tam giáo chẳng sống cùng một thời, làm sao có cùng thầy được! Hơn nữa, danh hiệu Thích Ca trong tiếng

Mân Việt. Do vậy, mới tạo thành Hoàng Long Phái của tông Lâm Tế. Sơ Tổ Vinh Tây (Eisai) của tông Lâm Tế Nhật Bản cũng học Thiền từ phái Hoàng Long. Ngài còn để lại những tác phẩm Hoàng Long Huệ Nam Thiền Sư Ngữ Lục, Ngữ Yêu, Thư Xích Tập v.v... Học trò Ngài như Hối Đường Tổ Tâm, Bảo Phong Khắc Vãn, Lạc Đàm Hồng Anh v.v... đều là những bậc long tượng trong nhà Thiền.

^{34[34]} Lão Tử tên thật là Lý Đam nên còn gọi là Lão Đam, Trọng Ni là tên tự của Không Tử.

Phạn được cỡi này dịch là Năng Nhân. Gã đó hèn tẻ, nông cạn, thất học, nghe nói có danh hiệu Năng Nhân, chẳng biết đầu mối, bèn lấy danh hiệu đó đề đề cao vị tổ của đạo mình, chẳng biết Năng Nhân chính là Phật, sao mà nực cười đến thế?

51. Ngọc Hoàng Kinh

Kinh này chép Ngọc Đế thuyết pháp, mười phương chư Phật đều đến nghe. Đây là nói ngoa. Chư thiên thuộc địa vị phàm phu, Thanh Văn là bậc tiểu thánh mà chư thiên còn phải kính phụng, lẽ đâu bậc trời của các trời, là thánh của các thánh lại phải ngược ngạo nghe nhận pháp của phàm phu ư? Lời nói của lũ Tề Đông^{35[35]}, kẻ nghe đừng điên đảo [tin theo] nữa, lời ấy chẳng đúng đâu! Nếu như chư thiên giảng diễn thiện pháp, chư Phật hoan hỷ hóa thân gia bị là vì chư thiên chí thành nên cảm được Phật, Phật bèn chứng minh. Chắc là có lẽ ấy, chứ bảo là chư Phật tín tâm nghe nhận thì thật là đối trá đến cùng cực!

52. Tăng nhân mắt

Người đời thấy tăng sĩ lâm chung bị bệnh khổ liên dị nghị vì ấy chưa đắc đạo. Đây là sai. Bệnh liên quan đến nghiệp trong đời trước, bậc cổ thánh còn chưa tránh khỏi, đức Phật cũng thị hiện nhưc đầu, huống hồ những kẻ khác ư? Tuy bệnh nhưng chẳng bị bệnh gây phiền lụy thì gọi là đắc đạo, như nói “*lão tăng tự có cách để được an nhàn, tám nỗi khổ xen nhau nung nấu trọn chẳng gây trở ngại gì*” là nhằm diễn tả ý ấy. Đối với chuyện ngồi, đứng qua đời tốt lành, cũng chẳng đủ để bình phẩm hơn kém. Cổ nhân nói: “*Tọa thoát lập vong tác bất vô, tiên sư ý vị mộng kiến tại*” (Ngồi mất, đứng chết chẳng phải là không có, tiên sư cho rằng chưa hề mộng thấy), há là lời nói xuông ư? Người tu hành chỉ nên chú trọng thấu triệt đại sự sanh tử, đừng vương vấn hình dáng bên ngoài để rồi nảy sanh những ý kiến khác lạ!

53. Tam Giáo cùng nói một chữ

Có kẻ nói nhà Phật bảo “*vạn pháp quy nhất*”, Đạo giáo dạy “*bảo nguyên thủ nhất*”^{36[36]}, đạo Nho nói “*dĩ nhất quán chi*”^{37[37]}, nên cả ba đạo

^{35[35]} Tề Đông chính là phía Đông nước Tề (tỉnh Sơn Đông), vùng này nổi tiếng hay nói khoác, nói bịa đặt thiếu căn cứ nên đã có thành ngữ “*Tề Đông dã ngữ*” (lời nói quê mùa ở Tề Đông).

^{36[36]} “*Bảo nguyên thủ nhất*” là một thuật ngữ chỉ phương cách tu luyện của Đạo gia, chú trọng tại luyện Thân (trong Tinh Khí Thân), trừ khử những tạp niệm trong tâm, giữ cho

là một, không khác gì nhau. Đây là nói ngoa. Vì nếu chẳng giữ vạn mà chỉ giữ lấy nhất (một), dùng cái một của ta để quán thông vạn sự kia thì vạn và một vẫn là hai thứ; còn “*vạn pháp quy nhất*” thì chỉ có một, chẳng còn có vạn, tức là vạn và nhất không hai. Hơn nữa, hai giáo kia chỉ nói đến nhất, nay [nhà Phật] lại nói “*nhất quy hà xứ?*” (nhất về chỗ nào) thì hai giáo kia chỉ coi Nhất là cùng cực, còn Phật lại vượt thoát ra ngoài Nhất. Ôi chao, huyền diệu thay!

54. Nghi tình

Trong cõi đời có kẻ đọc đến những câu như “*nhất quy hà xứ, nhân thâm đạo vô*” (một đi về đâu, do vậy hết sức nói đến Không) bèn hoặc liên tiếp đọc lên thật nhanh, hoặc gắng kéo hơi đọc cho lâu để đánh động nghi tình. Đây là sai. “Nghi” có nghĩa là tham cứu, quán sát nhằm thấu hiểu, quyết định phải sao cho thấy được cảnh Một ấy rốt ráo đi về đâu, rốt ráo phải thấy được vì sao ông cụ ấy (tức vị thiền sư nói ra lời ấy) nói Vô. Do nay có nghi, mai sau sẽ có ngộ. Nếu niệm thẳng vào câu đó thì không có nghi; đã không nghi sẽ không ngộ. Ôi! Niệm thẳng câu ấy thì làm sao nghi được? Câu “*người niệm Phật là ai?*” cũng mang ý nghĩa giống như vậy! Lại có kẻ ngu vụng hơi thở ép chữ “Ai” xuống Đan Điền, để mong nó sẽ xung ngược lên đỉnh đầu ngõ hầu mạch Nhâm và Đốc được thông suốt, coi đó là “tham thấu” (tham cứu đến khi thấu hiểu được công án), gọi đó là “truy cứu niệm Phật”. Chẳng biết Truy có nghĩa là truy xét, truy vấn, há phải đâu là truy cho tới Đan Điền ư? Đã sai lại càng sai hơn, đúng là đáng thương xót quá!

tinh thần thanh tịnh (bảo nguyên), nhằm giữ cho Tinh - Khí - Thần hợp thành một (quy nhất), chẳng hao hụt. Họ tin tưởng rằng với cách tu luyện này sẽ được trường thọ. Như vậy, “*bảo nguyên quy nhất*” chẳng ăn nhập gì với câu “*vạn pháp quy nhất*” của nhà Phật là lời giảng về chân tánh của vạn pháp.

^{37[37]} Trong Luận Ngữ, Khổng Tử đã hai lần nhắc đến từ ngữ “*nhất dĩ quán chi*”. Lần thứ nhất là trong thiên Lý Nhân: “*Tử viết: ‘Sâm hồ! Ngộ đạo dĩ nhất quán chi’. Tăng Tử viết: ‘Duy!’ Tử xuất, môn nhân vấn viết: ‘Vị hà dã?’ Tăng Tử viết: ‘Phu tử chi đạo, trung thứ nhi dĩ’*” (Khổng Tử bảo: ‘Này Tăng Sâm! Đạo của ta chỉ do một ý tưởng căn bản xuyên suốt từ đầu đến cuối’. Tăng Tử thưa: ‘Vâng, đúng thế’. Khổng Tử đi ra, môn nhân hỏi: ‘Thầy nói vậy nghĩa là sao?’ Tăng Tử giảng: ‘Đạo của phu tử chỉ là trung hậu và khoan dung mà thôi!’). Lần thứ hai là trong thiên Vệ Linh Công: “*Tử viết: ‘Tứ dã! Nhữ dĩ dư vị đa học, nhi thức chi giả dư?’ Đới viết: ‘Nhiên! Phi dư?’ Viết: ‘Phi dã! Dư dĩ nhất quán chi!’*” (Này anh Tứ! (Tứ là tên tục của Tử Cống). Anh cho rằng ta học rộng nên mới biết nhiều đây chẳng?’ Tử Cống thưa: ‘Đúng vậy, không phải như thế ư?’ Khổng Tử bảo: ‘Sai rồi! Ta dùng một điều để quán thông hết thảy’). Chúng tôi dịch những câu này theo cách diễn giảng của Tử Thư Bạch Thoại Giải.

Người thông đạt hễ gặp kẻ như thế hãy đừng tiếc lời bảo ban mọi điều cho kẻ ấy vỡ lẽ.

55. Công án

Lại có tà sư ngầm dạy công phu tà vạy, học trò được dạy bèn bảo là “được nhận công án hay truyền thoại đầu”. Đây là nói ngoa. Công Án có nghĩa là án tử (hồ sơ vụ án) nơi công đường, do vậy phải phân tích, phán đoán đúng sai; đối với cơ duyên hỏi đáp của chư Tổ cũng phải phân tích, quyết đoán lẽ sanh tử cho nên gọi là Công Án. Nói chung là trong lời vấn đáp, có một câu khấn yếu thì gọi câu ấy là Thoại Đầu, giống như những câu “*một quy về đầu, do vậy hết sức nói đến Không*” hoặc “*người niệm Phật là ai?*” Một ngàn bảy trăm công án, cho đến có nhiều loại đều giống như thế. Lũ tà sư trộm dùng lời cổ nhân nhưng mê muội nơi thực chất, những gì bọn hấn dạy đều là nếu không phải là cách ép khí thì cũng rơi vào trống không! Tự làm, làm người, gây hại cũng lâu dài, đáng xót thay!

56. Cây khô, tro lạnh

Tổng Nho bảo nhà Phật chỉ cầu tâm giống như cây khô, tro lạnh, rồi bèn bài xích Phật pháp là giáo pháp dị đoan, hư vô, tịch diệt. Đây là nói ngoa. Kẻ lập ra thuyết ấy chưa từng đọc rộng rãi kinh Phật, chỉ thấy được Khô Định của Tiểu Thừa, chưa thấy được Định Huệ Song Tu của Đại Thừa, Đệ Nhất Nghĩa Đế của Trung Đạo, chỉ thấy được Không Như Lai Tạng, chưa thấy được Bất Không Như Lai Tạng, huống là “không ở nơi Trung Đạo, Không, Bất Không Như Lai Tạng” ư? Bọn họ cho là cây khô, ta cho là muôn vàn cây cối đều thắm sắc Xuân, bọn họ cho là tro lạnh, ta cho là thái dương giữa trưa. Người hiểu biết hãy nên giữ cho tâm lượng bình đẳng, đừng coi những lời được nghe đầu tiên là đúng kéo bị Tổng Nho làm hỏng đại sự.

57. Luận về kinh Không Tước

Thời gần đây, người ta dùng linh, trống, thanh la, nã bạt để tụng Không Tước Minh Vương Kinh^{38[38]}, gọi là “đàm Không Tước”. Đây là sai.

^{38[38]} Không Tước Minh Vương Kinh (Mahāmayūrī-vidyārājñī), có tên gọi đầy đủ là Phật Mẫu Đại Kim Diệu Không Tước Minh Vương Kinh do ngài Bất Không dịch vào đời Đường. Kinh kể chuyện ngài A Nan Đà trông thấy tỳ-kheo Xoa Đê (Svati) bị rắn đen cắn, mê man gần chết, bèn cầu cứu đức Phật. Đức Phật bèn dạy A Nan tụng Phật Mẫu Không Tước Minh Vương Đại Đà La Ni để trừ hết thấy khổ nạn, đồng thời dạy các Mật Pháp để

“Đàm” (談) có nghĩa là luận định ý nghĩa. Nay chỉ tụng kinh văn, sao gọi là “luận định ý nghĩa” cho được? Nếu nói [“đàm” chính là] chữ “đàn” (彈: đánh, hay gảy) trong “xuy đàn” (吹彈: thổi, đánh) thì linh và não bạt đầu phải là tơ đồng^{39[39]} (đàn), huống hồ đem kinh văn phổ thành ca khúc, cắt xén chương kinh lẫn câu kinh, khinh nhờn không chi hơn được nữa! Hễ tụng kinh ấy thì hãy nên chiếu theo cách thức tụng kinh thông thường, tận lực quay về quy củ xưa, đừng chạy theo thói thời thượng.

58. Lễ Quán Âm Văn

Xưa kia có người lễ Quán Âm Văn, kẻ độn căn bắt chước theo để chuyên cầu được thông minh, trí huệ. Đây là sai ngoa. Từ sơ phát tâm cho đến khi chứng quả thấy đều trọn đủ trong bài văn ấy, nhưng dùng kinh văn ấy để chuyên cầu thông minh, trí huệ thì ra thể thống gì? Hãy biện định về thông minh và trí huệ! Nói tới thông minh chẳng qua là nghe rộng thấy nhiều, lắm tài năng mà thôi. Còn trí huệ thì có nghĩa là giác tâm chẳng mê, chánh kiến rạng ngời, chế ngự được phiền não, phá vô minh. Do vậy, thông minh là điều tốt đẹp nhỏ nhoi trong thế gian, chấp vào đây thường bị chướng lấp Chân Trí. Trí Huệ là cái nhân lớn lao để xuất thế gian, hễ đạt được rồi thì sự thông minh trong thế gian đâu còn gì đáng quý nữa. Lễ bài văn ấy (tức lễ bái Quán Âm Văn) để chuyên cầu thông minh thì có khác gì cắt cổ gà lại dùng đến dao mổ trâu? Hạnh trẻ nít vô tri, nhưng chẳng ngại gì nêu ra. Bậc tu hành đã lâu hãy nên đặc biệt khuyên răn người khác về chuyện này.

59. Phật chẳng phải là người

Thế tục nói chữ Phật (佛) là từ hai chữ Nhân (人) và Phất (弗) ghép lại; cho nên Phật không phải là người, bởi đã bỏ nước nên không thấy có vua, bỏ người thân nên không còn thấy có cha, chẳng cưới vợ sanh con, tuy giữ cho thân mình trong sạch nhưng rối loạn luân thường. Cái đạo không tròn bổn phận làm người ấy sao lại được thực thi ở Trung Quốc? Đây là nói ngoa. “*Phật nhân*” (không phải là người) thì quả thật không phải là người, nhưng vì sao lại “phật” (không) thì chẳng phải như ông đã nói! Đoạn được phiền hoặc người khác chẳng thể đoạn được, chúng được trí người khác

trừ tai nạn, tăng phước v.v... Kinh này còn có hai bản dịch khác nữa, mang tên Không Tước Minh Vương Kinh (do ngài Tăng Già Bà La dịch vào đời Lương) và Đại Không Tước Chủ Vương Kinh (do ngài Nghĩa Tịnh dịch vào đời Đường).

^{39[39]} Do thời cổ thường dùng tơ bện làm dây đàn, lấy gỗ ngô đồng làm thân đàn, nên tiếng đàn thường được gọi là “tiếng tơ đồng”.

chẳng thể chúng, hành được hạnh người khác chẳng thể hành. Vì thế, Nghiêu, Thuấn, Châu, Khổng là bậc thánh trong loài người, còn Phật chính là thánh của các vị thánh. Chữ Thánh vẫn chưa đủ để xưng tụng Ngài, huống là có thể gọi Ngài là người ư? Nhật, Nguyệt, bốn thiên vương cho đến cõi trời Vô Sắc do sánh với con người mà xưng là Thiên. Còn Phật là đối với chư thiên mà xưng là Thiên vậy. Chữ Thiên còn chưa đủ để gọi Phật, huống hồ đáng gọi Ngài là Người ư? Phật chẳng phải là người, nghĩa như vậy đó!

Hãy luận chung về Tam Giáo. Chữ Nho (儒) ghép từ chữ Nhu (需) và Nhân (人). Chẳng bộp chộp, sai quấy là Nhu, như vậy Nho là người thông dong tuân theo lễ pháp. Tiên (仙) là từ Sơn (山) và Nhân (人) ghép lại. Lìa chốn chợ búa thì gọi là Sơn. Do vậy, Tiên là người tiêu dao ngoại vật, chẳng thể gọi là Phật (弗). Hai giáo tuy cao, nhưng vẫn còn có thể gọi là Người, còn Phật đã thoát khỏi bốn loài, vượt ba cõi, chẳng thể gọi Ngài là người. Lấy những điều trên đây để tạm đáp lời ông gạn hỏi, chứ thật ra Phật (Buddha) là tiếng Phạn, cõi này dịch là Giác, sao lại giảng là “phát nhân” (không phải là người)!

60. Nam vô Phật (南無佛)

Có kẻ nói phương Nam thuộc Hỏa, lửa tắt chính là Phật, cho nên nói “Nam vô Phật” (phía Nam không có Phật), hoặc phương Nam không có Phật, chỉ Tây Phương là có Phật mà thôi! Cho nên nói “Nam vô Phật”. Đây là sai ngoa. Nam-mô^{40[40]} (Namo) là tiếng Phạn, cõi này dịch là “quy mạng”, đọc là Năng Mò hoặc Na Ma đều được, đây là dựa theo âm chữ không theo dựa theo ý nghĩa của mặt chữ vậy. Có kẻ còn quá đáng cho rằng Nam là tánh, Vô là mạng, Nam là trời, Vô là đất, Nam là cha, Vô là mẹ. Thậm chí bốn chữ A Di Đà Phật, mỗi chữ đều bị giảng giải sai lầm. Sự hiểu biết tà vạy như thế chẳng thể nêu trọn, xin hãy lần lượt lưu truyền để sửa cho đúng những sai ngoa ấy hòng uốn nắn cái tà khiến được trở thành chánh. Đây gọi là báo ân đức của đức Phật trong đời Mạt vậy.

^{40[40]} Do trong quá khứ, trong Hoa ngữ cho đến tận đầu đời Đường chữ Vô (無) vẫn còn đọc với vận mẫu M (những phương ngôn Hoa Nam như tiếng Quảng Đông, hay tiếng Phước Kiến còn giữ cách đọc này, chẳng hạn tiếng Quảng Đông đọc chữ Vô gần giống âm Mậu) nên chữ Vô được dùng để phiên âm chữ Mo trong tiếng Nam Mô. Cho đến giữa đời Đường khi vận mẫu M của chữ được chuyển thành vận mẫu W (tức là 無 đọc thành wú), các nhà phiên kinh bèn dùng chữ Năng Mò (曩謨: âm Quan Thoại là năng mó) hoặc Na Ma (那摩: âm Quan Thoại là nă mó) để mô phỏng âm Namo trong tiếng Phạn. Do quá chấp vào mặt chữ, không chú ý tới âm tiếng Phạn nên mới có những kiểu diễn giải kỳ lạ như vậy.

61. Bất sanh bất diệt

Người đời sát sanh, nại cơ kinh Phật dạy “*bất sanh bất diệt*” để lập luận: “*Chẳng sanh thì chẳng diệt, có sanh thì có diệt*”, cho nên sát sanh không trở ngại gì! Đây là nói ngoa. Kinh dạy: Tâm này vốn tự chẳng sanh cũng chẳng diệt. Do bất sanh nên tịch, do bất diệt nên chiếu, thường tịch, thường chiếu, gọi là Thường Tịch Quang. Đây chính là diệu tâm của đương nhân, sao lại biến lời giảng chí lý thành trò hý luận. Kẻ ngu ăn nói sai quấy đến mức như thế đó, đáng buồn thay!

62. Trái nghịch cội gốc, tôn sùng đạo Thích

Người ta thấy có kẻ từ đạo Nho theo đạo Thích, cực lực khen ngợi Phật, bảo Khổng Tử không bằng Phật; do vậy bèn dị nghị kẻ ấy trái nghịch cội gốc. Đây là nói ngoa. Bậc tiên đức nói: “*Khổng Tử là thánh nhân trong loài người, còn Phật là thánh nhân của các thánh nhân*”. Đây chính là lời luận định công bằng xét tới tột cùng lẽ trời, tình người, chẳng thể gọi là trái nghịch. Nay có lời hỏi rằng: “Cha ông với Nghiêu - Thuấn ai là người hiền?” Ất ông sẽ nói: “Cha tôi làm sao dám sánh với bậc đại thánh?” Như vậy là ông đã trái nghịch cội gốc hay sao? Ất cứ phải dối trời lừa người để nói “cha tôi hiền như Nghiêu, Thuấn” thì mới là chẳng trái nghịch cội gốc ư? Hơn nữa, Khổng Tử không phải là chẳng biết tới Phật, nhưng Nho giáo luận về pháp thế gian, chỉ dừng ở những điều nào hợp với pháp thế gian. Nếu nói vượt quá sẽ trở thành pháp xuất thế gian. Hai pháp thế gian và xuất thế gian duy trì lẫn nhau nhưng môn đình khác biệt. Nếu không như vậy, tăng lữ học Thiền, sao chẳng dựa theo sách Đại Học, Luận Ngữ? Thí sinh đi thi, sao không dùng tới Pháp Hoa, Lăng Nghiêm? Huống chi Khổng Tử tuy không tin Phật, nhưng đã thốt ra những lời nói có ngụ ý như: “*Triêu văn đạo, tịch tử khả hỹ!*” (Sáng nghe đạo, tối chết cũng được). Đây là đạo nào vậy? “*Tây phương hữu thánh nhân*” (Phương Tây có thánh nhân), đây là vị thánh nào vậy? Ý tôn sùng Phật thật rõ ràng. Nay nói người đạo Thích sâu xa hơn đạo Nho là nhằm làm sáng tỏ rạn ngời ý sâu nhiệm của Khổng Tử, đây gọi là báo ân, sao lại gọi là “trái nghịch cội gốc”?

63. Danh xưng của tăng sĩ

Người đời thường dùng chữ “*trưởng lão*” để gọi Tăng, nếu gọi dễ dãi thì gọi là “*hòa thượng*”. Đây là sai ngoa. Vị trí thức thời cổ chủ trương đạo tràng một phương, nêu gương cho tăng chúng là Trưởng Lão, cũng gọi là

Đường Đầu Đại Hòa Thượng. Đệ tử cũng gọi thầy là Hòa Thượng. Danh xưng ấy dễ đảm đương ư? Người đời vốn chỉ biết tới danh xưng, không hiểu nghĩa. Nay tăng chúng cũng coi nhẹ danh xưng trưởng lão, hòa thượng. Do vậy bèn có kẻ xưng hô là lão gia! “Lão gia” là danh hiệu của quan phủ, tăng sĩ chớ nên dùng. Phạm các bậc A La Hán như Xá Lợi, Mục Liên, Không Sanh (Tu Bồ Đề), Ca Diếp đều là đệ tử thượng thủ của đức Như Lai nên mới được xưng là Trưởng Lão. Nhưng Thích Ca, Di Đà là những vị Thế Tôn trọn đủ Thập Lực, được muôn đời xưng là Bổn Sư Hòa Thượng, Tăng nhận lãnh cái danh ấy [lẽ ra phải cảm thấy] hổ thẹn không chón dung thân, nhưng lại ngược ngạo coi rẻ, cũng lạ lắm thay!

64. Đầu Đà

Đã có kẻ chẳng xuống tóc, lại chẳng đội mũ cài trâm^{41[41]}, cạo sạch đôi lông mày, xưng là Đầu Đà. Đây là sai. Đầu Đà (Dhuta) là tiếng Phạn, tiếng Hán dịch là Đầu Tẩu (phấn chán tinh thần), có đủ mười hai khổ hạnh, thoát trừ trần cấu, thanh tịnh vô nhiễm. Thời cổ gọi [Đầu Đà] là Đầu Tẩu. Đức Phật dạy: “*Có hạnh Đầu Đà thì pháp ta được tồn tại lâu dài. Không có hạnh Đầu Đà thì pháp ta bị diệt!*” Đầu Đà có quan hệ đến sự thịnh suy của Phật pháp, há để kẻ làm ra vẻ khác người lạm xưng ư? Nếu như đang ở trong tử quan (bế quan cho đến khi chết), để tóc dài không cạo như đại sư Cao Phong ở Thiên Mục thì thật sự là bậc Đầu Đà.

65. Ba y

Có kẻ cho rằng: Trong ba y, y năm điều là y của Sa Di, y bảy điều là y của tỳ-kheo, y hai mươi lăm điều là y của Bồ Tát. Đây là sai. Phạm lúc còn là Sa Di liền nhận lãnh đủ ba y, chẳng thể thiếu một loại nào. Đây chính là lời nói của tăng nhân chẳng thông hiểu văn nghĩa. Vì thế chẳng có gì là lạ! Nhưng kẻ chỉ nghe giáo pháp mà không thông hiểu bèn chỉ nhận lãnh y bảy điều, còn y năm điều và y hai mươi lăm điều suốt đời không nhận lãnh! Tướng trạng Phật pháp suy tàn đã thấy rồi đấy!

66. Cạo đầu không cạo râu

^{41[41]} Thuở ấy, đạo sĩ để tóc dài nhưng không được xõa tóc (chỉ trừ khi làm phép, hô thần nhập quỷ bèn xõa tóc), lúc bình thường phải búi tóc lên, cài trâm để giữ cho mũ đạo sĩ khỏi tuột.

Có kẻ cạo đầu chẳng cạo râu, viện cớ “cạo tóc nhằm trừ phiền não, để râu nhằm biểu hiện chí trọng phu”. Đây là sai! Nếu bảo tóc là phiền não thì râu còn là phiền não nặng hơn. Biểu lộ chí trọng phu thì bậc có tư cách đại trọng phu giống như Mạnh Tử đã nói chính là người tận tụy thực hiện nhân nghĩa, giữ vững khí tiết trong lúc cùng quẫn cũng như khi hiển đạt suốt một đời mà thôi! [Để râu nhằm] phô bày dáng mạo xinh đẹp giống như đàn bà, con gái [làm điệu]! Bậc tâm hùng hơn muôn người cần gì phải lấy râu để biểu thị? Làm như vậy trái nghịch điều đức Phật đã rành rành ngăn cấm, phô bày vẻ lạ nhằm mê hoặc mọi người, đáng bị tấn xuất, quở trách, đừng cho xen lẫn vào trong cửa Phật mới đúng!

Chánh Ngoa Tập hết

(Hoàn tất cảo bản ngày 19 tháng Giêng năm 2009)

Giám định và tu chỉnh hoàn tất ngày 23 tháng Chín năm 2009)
